

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM  
KHOA LUẬT**



**PHÙNG THẾ QUYẾT**  
*Lớp : LKT 12 – 01 khóa: K12*

**PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC  
BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S PHẠM HỒNG NHẬT**

**HÀ NỘI 27/05/2022**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**

**KHOA LUẬT**



**PHÙNG THẾ QUYẾT**

*Lớp : LKT 12-01 khóa: K12*

**PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC  
BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S PHẠM HỒNG NHẬT**

Nơi thực hiện đề tài: Đại học Đại Nam

Thời gian thực hiện: từ 21/3 đến 28/5 năm 2022

**HÀ NỘI 27/05/2022**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan luận văn tốt nghiệp này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi kết hợp với sự hướng dẫn khoa học của Th.s Phạm Hồng Nhật. Luận văn tốt nghiệp được sử dụng các văn bản quy phạm pháp luật và các tài liệu, số liệu thu thập từ nguồn thực tế, đã được công bố trên các báo cáo của các cơ quan nhà nước; các tổ chức kinh tế trên thông tin đại chúng và được công khai hợp pháp. Những thông tin và nội dung được nêu trong đề tài đều trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

Hà Nội, Ngày 27 tháng 05 năm 2022

Tác giả luận văn tốt nghiệp

**Phùng Thế Quyết**

## **LỜI CẢM ƠN**

Lời đầu tiên tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành, sâu sắc tới Th.s Phạm Hồng Nhật là người trực tiếp hướng dẫn khoa học, đã tận tình hướng dẫn cho tôi cả chuyên môn và phương pháp nghiên cứu, chỉ bảo cho tôi nhiều kinh nghiệm trong thời gian thực hiện đề tài. Xin được chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong Khoa Luật, Trường đại học Đại Nam đã tạo những điều kiện tốt nhất để tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp của mình.

Mặc dù với sự nỗ lực, cố gắng của bản thân, luận văn vẫn còn những thiếu sót. Tôi mong nhận được sự góp ý chân thành của các Thầy Cô và bạn bè để luận văn tốt nghiệp của tôi được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tác giả luận văn tốt nghiệp

**PHÙNG THẾ QUYẾT**

## DANH MỤC KÝ HIỆU HOẶC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tiếng anh	Tiếng Việt
ASEAN	Association of South East Asian Nations	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
UNCTAD	United Nations Conference on Trade and Development	Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
ACRA	Accounting and Corporate Regulatory Authority	Cơ quan Quản lý doanh nghiệp và Kế toán
DTA	Double Tax Agreement	Hiệp định thuế tránh đánh thuế hai lần
GATT	General Agreement on Tariffs and Trade	Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch
FTA	Free Trade Area	Hiệp định thương mại tự do
CPTPP	Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership	Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương
EVFTA	European-Vietnam Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam
APEC	Asia-Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương
CIEM	Central Institute for Economic Management	Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương
ACI	Application Centric Infrastructure	Quy định khai báo cho hàng đi Canada
GDP	Gross domestic product	Tổng sản phẩm nội địa

## MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN.....</b>	<b>3</b>
<b>LỜI CẢM ƠN .....</b>	<b>4</b>
<b>DANH MỤC KÝ HIỆU HOẶC CHỮ VIẾT TẮT.....</b>	<b>5</b>
<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>6</b>
<b>MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
<b>Lý do chọn đề tài.....</b>	<b>1</b>
<b>2. Tình hình nghiên cứu .....</b>	<b>2</b>
<b>3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu .....</b>	<b>4</b>
<b>4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....</b>	<b>5</b>
4.1. Đối tượng nghiên cứu	5
4.2. Phạm vi nghiên cứu	5
<b>5. Phương pháp nghiên cứu .....</b>	<b>5</b>
<b>6. Bố cục bài nghiên cứu.....</b>	<b>6</b>
<b>CHƯƠNG 1.....</b>	<b>7</b>
<b>KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀ THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ .....</b>	<b>7</b>
<b>1.1. Khái quát chung về các biện pháp khuyến khích đầu tư.....</b>	<b>7</b>
1.1.1. Khái niệm đầu tư	7

1.1.2. Khái niệm các biện pháp khuyến khích đầu tư	9
<b>1.2. Thực trạng quy định pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư</b>	<b>16</b>
1.2.1. Thực trạng pháp luật về khuyến khích đầu tư của một số nước trên thế giới.	16
1.2.2. Thực trạng quy định pháp luật về khuyến khích đầu tư tại Việt Nam	21
<b>Tiểu kết chương 1 .....</b>	<b>28</b>
<b>CHƯƠNG 2.....</b>	<b>29</b>
<b>THỰC TRẠNG THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐẦU TƯ .....</b>	<b>29</b>
<b>2.1. Khái quát về thực trạng áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư theo pháp luật đầu tư tại Việt Nam.....</b>	<b>29</b>
2.1.1. Các biện pháp về ưu đãi đầu tư	30
2.1.2. Các biện pháp về hỗ trợ đầu tư	40
<b>2.2. Khái quát thực tiễn áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư theo luật đầu tư tại Việt Nam.....</b>	<b>48</b>
2.2.1. Kết quả đạt được	48
2.2.2. Một số tồn tại hạn chế trong thực tiễn áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam	53
2.2.3. Nguyên nhân của các tồn tại hạn chế trong thực tiễn áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư.	55
<b>Tiểu kết chương 2 .....</b>	<b>57</b>
<b>CHƯƠNG 3.....</b>	<b>58</b>
<b>MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ .....</b>	<b>58</b>

<b>3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư</b>	<b>.58</b>
<b>3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư</b>	<b>.....61</b>
<b>3.3. Nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam</b>	<b>.....63</b>
<b>Tiểu kết chương 3</b>	<b>.....64</b>
<b>KẾT LUẬN</b>	<b>.....65</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>.....67</b>



## MỞ ĐẦU

### Lý do chọn đề tài

Hiện nay, việc thu hút đầu tư đang trở thành mối quan tâm hàng đầu của nhiều quốc gia, nhằm hỗ trợ và phát huy lợi thế mỗi quốc gia trong công cuộc phát triển nền kinh tế của đất nước và nền kinh tế toàn cầu. Đặc biệt là đối với những nước đang phát triển, các quốc gia chậm phát triển, việc thu hút đầu tư, mang lại những lợi ích kinh tế đáng kể cho những quốc gia này. Trong cuộc đua để thu hút vốn từ quốc tế, mỗi quốc gia đều quan tâm đến việc thay đổi và phát triển đầu tư, trong đó đặc biệt là hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư để ngày càng phát triển.

Là nước đang phát triển, Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật phải mở rộng các biện pháp khuyến khích đầu tư để đón những luồng đầu tư mạnh mẽ cả ở trong và ngoài nước. Ở Việt Nam để thu hút dòng vốn đầu tư của các nhà đầu tư, thì việc đưa ra các biện pháp khuyến khích đầu tư có ý nghĩa như một trong những động thái nhằm góp phần cải thiện môi trường đầu tư, tạo ra sức hấp dẫn cho môi trường đầu tư. Đôi khi, những ưu đãi đó chỉ dừng lại ở chỗ mang lại cho các nhà đầu tư một mối lợi ích về tài chính nho nhỏ nhưng đằng sau mối lợi ích về tài chính không đáng kể ấy, các nhà đầu tư tìm thấy chỗ dựa tin cậy đối với Việt Nam, vì nó thể hiện thiện ý đón nhận vốn đầu tư của Việt Nam. Cũng có thể nói, các biện pháp khuyến khích đầu tư, ở một khía cạnh nào đó, giống như các biện pháp bảo đảm đầu tư, đã tạo ra tâm lý yên tâm cho các nhà đầu tư khi đầu tư vốn vào một lĩnh vực, địa bàn nào đó. Với sự tồn tại và phát triển không ngừng của các biện pháp khuyến khích đầu tư và xu hướng phát triển của pháp luật đầu tư, đã có những số liệu rõ ràng cho thấy, ở Việt Nam những năm gần đây, lượng vốn đầu tư vào nền kinh tế Việt Nam tăng lên đáng kể, đặc biệt là vốn đầu tư nước ngoài, một số nhà đầu tư nước ngoài đến từ các quốc gia phát triển như Nhật Bản ,

Hoa Kỳ , Hàn 15 Quốc, .v.v ... khá kĩ tính trong việc lựa chọn môi trường đầu tư đã trở thành đối tác đầu tư lớn của Việt Nam. Điều này chứng tỏ vị trí, vai trò và hiệu quả của các biện pháp khuyến khích đầu tư mà Nhà nước Việt Nam đã ban hành trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành về các biện pháp khuyến khích đầu tư.

Thông qua việc ban hành nhiều văn bản về đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong nước mở đường cho những làn sóng đầu tư vào Việt Nam. Nhà nước ta đã xây dựng các luật, các cơ chế chính sách để phát triển đầu tư, các cơ chế chính sách thay đổi để phát triển về kinh tế và có những thành công bước đầu tích cực.

Trong thời gian qua, Quốc hội nước ta đã ban hành văn bản như: “Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam” 1996, “Luật Đầu tư” 2005, “Luật đầu tư” 2014, “Luật Đầu tư” 2020.....với mục đích nhằm tạo nên một khuôn khổ về mặt pháp luật để điều chỉnh các hoạt động đầu tư trong nước, phù hợp hơn với xu thế phát triển của các nước trên thế giới; tạo môi trường thuận lợi, thu hút hơn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước thuộc mọi thành phần trong xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế, bất cập, chính vì vậy, em đã chọn nghiên cứu đề tài với nội dung: *“Pháp luật và thực tiễn áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư”* làm khóa luận tốt nghiệp của mình. Với mong muốn tiếp tục khắc phục những vướng mắc của hệ thống pháp lý về các biện pháp khuyến khích đầu tư của đất nước ta và phù hợp với nền kinh tế của Việt Nam.

## 2. Tình hình nghiên cứu

Khuyến khích đầu tư có tầm quan trọng chiến lược trong sự tăng trưởng kinh tế và mang lại những tác động tích cực đến kinh tế và xã hội của mỗi

quốc gia. Chính vì vậy đã thúc đẩy các nghiên cứu trong vấn đề khuyến khích đầu tư.

Ở Việt Nam đã có các công trình nghiên cứu khoa học của các tác giả Việt Nam về vấn đề khuyến khích đầu tư như:

Đề tài “*Đánh giá cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam đầu tư đổi mới công nghệ*” của Hoàng Văn Cường - Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. Đề tài đã đề cập đến các chính sách tác động tới việc huy động các nguồn vốn đầu tư của nhà nước, nguồn vốn đầu tư mạo hiểm,... để đổi mới công nghệ.

Luận văn thạc sĩ của tác giả Lê Thu Thủy với đề tài “*Các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Bình*” năm 2018 đã làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Bình, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư theo Luật Đầu tư tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Công trình nghiên cứu đăng trên Tạp chí Công thương ngày 22/01/2018 của các tác giả Nguyễn Thị Hưng - Phạm Thị Hiền - Nguyễn Thị Thùy Linh với đề tài “*Pháp luật về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư nước ngoài của một số nước ASEAN và gợi mở cho Việt Nam*” đề cập tới pháp luật về ưu đãi hỗ trợ đầu tư của một số quốc gia ASEAN, đánh giá ưu nhược điểm, từ đó rút ra bài học pháp luật để áp dụng trong việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam, góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư tại Việt Nam đạt hiệu quả.

Trên thế giới, cũng có các công trình nghiên cứu tương đối đa dạng về đầu tư. Tiêu biểu như:

Báo cáo đầu tư thế giới “*UNCTAD 2013, World Investment Report, New York and Geneva*” đã cung cấp các phân tích chuyên sâu, đưa ra các lựa chọn phát triển chiến lược và lời khuyên thiết thực cho các nhà hoạch định

chính sách nhằm tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu rủi ro trong chuỗi đầu tư. Đó là điều cần thiết để đảm bảo tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

Báo cáo đầu tư thế giới “*UNCTAD 2018, Investment and New Industrial Policies, World Investment Report*”, báo cáo về chính sách đầu tư và công nghiệp mới. Báo cáo đưa ra thực trạng đầu tư xuyên biên giới vào các nền kinh tế phát triển, trong khi tăng trưởng đối với các nền kinh tế đang phát triển gần như bằng không. Xu hướng tiêu cực này là mối quan tâm tới các nhà hoạch định chính sách kinh tế trên toàn thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển. Hiện tại trong những năm gần đây, các chính sách công nghiệp mới đã xuất hiện, đáp ứng những cơ hội và thách thức liên quan đến cuộc cách mạng công nghiệp mới. Báo cáo trình bày các lựa chọn công cụ chính sách đầu tư trong môi trường mới này đóng góp kịp thời trong hoạt động đầu tư và phát triển kinh tế toàn cầu.

Tất cả các công trình nêu trên, ở những mức độ khác nhau, giúp tôi có tư liệu và kiến thức cần thiết để có thể hình thành những hiểu biết chung, bổ sung thêm nội dung và đi sâu nghiên cứu vấn đề ***“Pháp luật và thực tiễn áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam”***.

### 3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu của đề tài là phân tích, làm rõ các vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn về pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam cũng như thực trạng áp dụng pháp luật quốc tế về các biện pháp khuyến khích đầu tư vào hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia.

Để đạt được mục tiêu này, đề tài tập trung vào các nhiệm vụ:

- ❖ Nghiên cứu và phân tích những vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư như khái niệm, đặc điểm, vai trò, ý nghĩa của việc ban hành các biện pháp khuyến khích đầu tư

- ❖ Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về các biện pháp khuyến khích đầu tư
- ❖ Đề xuất các giải pháp cho pháp luật Việt Nam nhằm hạn hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư.

#### 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

##### 4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài chủ yếu nghiên cứu các quy định pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư được ghi nhận trong Luật Đầu tư 2020 và các văn bản pháp luật Việt Nam có liên quan khác; các công ước và hiệp định khu vực, quốc tế về đầu tư có nội dung liên quan đến các biện pháp khuyến khích đầu tư mà Việt Nam đang là thành viên. Ngoài ra, đề tài cũng tham khảo pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư tại các quốc gia...

##### 4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu chủ yếu tập trung vào những vấn đề cơ bản của pháp luật điều chỉnh các biện pháp khuyến khích đầu tư ở Việt Nam. Dựa vào các quy định pháp luật này, đề tài có liên hệ với thực tiễn và kết quả thu hút vốn đầu tư của Việt Nam trong việc thi hành và áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư ở Việt Nam. Từ việc phân tích các quy định pháp luật và thực tiễn thi hành áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư, đề tài đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư và những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về khuyến khích đầu tư tại Việt Nam, góp phần nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư tại Việt Nam.

#### 5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài đã sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng của triết học Mác-Lênin.

Phương pháp nghiên cứu: Đề tài sử dụng các phương pháp cụ thể như phương pháp phân tích trong việc phân tích vấn đề lý luận của đề tài, phân tích các quy định pháp luật, phương pháp chứng minh bằng việc đưa ra những ví dụ để chứng minh cho một nhận định, phương pháp diễn giải phương pháp quy nạp, phương pháp thống kê áp dụng trong thống kê và tổng hợp số liệu.

## 6. Bố cục bài nghiên cứu

Ngoài chương mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, đề tài được kết cấu theo 3 chương:

**Chương 1:** Khái quát chung về các biện pháp khuyến khích đầu tư và thực trạng quy định pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư.

**Chương 2:** Thực tiễn thực hiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam

**Chương 3:** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư và nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam.

# CHƯƠNG 1

## KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀ THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ

### 1.1. Khái quát chung về các biện pháp khuyến khích đầu tư

#### 1.1.1. Khái niệm đầu tư

Hiện nay, đầu tư không còn là một khái niệm xa lạ đối với nhiều người, nhất là đối với những người hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, thuật ngữ này lại có nhiều cách hiểu khác nhau. Có quan điểm cho rằng đầu tư là phải bỏ một cái gì đó và một việc nhất định để thu lại lợi ích trong tương lai. Nhưng cũng có quan điểm lại cho rằng đầu tư là các hoạt động sản xuất, kinh doanh để thu được lợi nhuận. Thậm chí, thuật ngữ này còn được sử dụng rộng rãi, như câu cửa miệng để nói lên chi phí về thời gian, sức lực và tiền bạc vào mọi hoạt động của con người trong cuộc sống. Vậy thế nào là đầu tư? Những đặc trưng nào để xác định một hoạt động của con người là đầu tư?

Theo từ điển tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học biên soạn năm 2003 thì đầu tư được hiểu là việc “*bỏ nhân lực, vật lực, tài lực vào công việc gì, trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế, xã hội*”<sup>1</sup>. Đầu tư là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia Thông qua hoạt động đầu tư, quốc gia có thể huy động được nguồn lực trong và ngoài nước về vốn và công nghệ kỹ thuật...để đẩy nhanh nền kinh tế của đất nước phát triển. Như vậy,

---

<sup>1</sup> Viện ngôn ngữ học - Viện Khoa học xã hội và nhân văn (1996), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb.Khoa học xã hội và Nhân văn.

đầu tư được hiểu chính là việc bỏ vốn dưới một hình thức vào sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở tính toán đến lợi ích kinh tế, xã hội.

Dưới góc độ khoa học kinh tế, đầu tư được hiểu là *“khâu đầu tiên trong quá trình sản xuất, kinh doanh của một chủ thể đầu tư, là chi phí ban đầu phục vụ một đối tượng nào đó, được sử dụng một cách có mục đích nhằm thỏa mãn nhu cầu của chủ đầu tư”*<sup>2</sup>. Với cách hiểu này, đầu tư lại được bỏ gọn trong một khâu của hoạt động kinh tế và nó chỉ đơn thuần là hoạt động bỏ vốn ban đầu để hướng tới kết quả của quá trình sản xuất, kinh doanh.

Có quan điểm lại cho rằng đầu tư là việc sử dụng vốn vào quá trình tái sản xuất xã hội nhằm tạo ra năng lực vốn lớn hơn. Trong phạm vi doanh nghiệp, đầu tư là việc di chuyển vốn vào một loại hoạt động nào đó nhằm mục đích thu lại khoản lợi nhuận lớn hơn. Cũng có quan điểm coi đầu tư là hoạt động sử dụng tiền vốn, tài nguyên trong một thời gian tương đối dài nhằm thu lợi nhuận hoặc lợi ích kinh tế- xã hội. Lại có quan điểm khẳng định đầu tư là việc bỏ vốn vào một cơ sở sản xuất, một công trình xây dựng hay một đơn vị sự nghiệp bằng nhiều biện pháp như: Cấp phát ngân sách, vốn tự có, liên doanh hoặc vay dài hạn để mua sắm thiết bị, xây dựng mới,...nhằm thu doanh lợi (lợi nhuận doanh nghiệp) hay phát triển phúc lợi công cộng<sup>3</sup>.

Dưới góc độ pháp lý, theo khoản 1 Điều 3 Luật Đầu tư 2005 thì: *“Đầu tư là việc nhà đầu tư bỏ vốn bằng các loại tài sản hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan”*. Định nghĩa đầu tư trong Luật Đầu tư năm 2005 là khá rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Do đó, đến Luật Đầu tư năm 2014, các nhà làm luật đã thu hẹp khái niệm

---

<sup>2</sup> Lê Thị Lệ Thu (2006), *Pháp luật về ưu đãi đầu tư ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

<sup>3</sup> Nguyễn Khắc Định (2003), *Hoàn thiện pháp luật về đầu tư trực tiếp nước ngoài trong xu hướng nhất thể hóa pháp luật về đầu tư ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.



đầu tư của Luật Đầu tư năm 2005, chỉ điều chỉnh hoạt động đầu tư kinh doanh, theo đó tại khoản 5 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2014 quy định: *“Đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư”*. Với việc thu hẹp khái niệm đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư, khái niệm đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư 2014 đã quy định cụ thể, chi tiết và khái quát được hết các nội hàm đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư 2014. Đến Luật Đầu tư 2020 thì khái niệm đầu tư kinh doanh đã được rút ngắn lại, không còn nêu thể các hình thức đầu tư kinh doanh nữa mà chỉ đưa ra *“Đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh”*.

Mặc dù vẫn còn có khá nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm đầu tư, nhưng có thể hiểu: *“Đầu tư là việc sử dụng một lượng tài sản nhất định như vốn, công nghệ, đất đai,.....vào một hoạt động kinh tế cụ thể bằng nhiều cách thức khác nhau nhằm tạo ra một hoặc nhiều sản phẩm cho xã hội để thu lợi nhuận”*.

#### *1.1.2. Khái niệm các biện pháp khuyến khích đầu tư*

Khi nền kinh tế- xã hội trên thế giới ngày càng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra càng mạnh mẽ thì các quốc gia ngày càng chú trọng đến việc hoàn thiện pháp luật đầu tư, cũng vì thế khái niệm khuyến khích đầu tư càng trở nên phổ biến.

Dưới góc độ ngôn ngữ học, *“khuyến khích”* được hiểu là việc tạo điều kiện thuận lợi hơn bình thường để phát triển một công việc nào đó. *“Đầu tư”* là việc bỏ ra giá trị nào đó, bao gồm nhân lực, vật lực, của cải vật chất với mục đích thu về một giá trị lớn hơn giá trị nó bỏ ra. Như vậy, khuyến khích

đầu tư theo cách hiểu thông thường là việc tạo điều kiện thuận lợi để chủ đầu tư bỏ ra một giá trị vật chất, phi vật chất vào một mục đích nhất định.

Trên thế giới, theo định nghĩa của UNCTAD thì *“Khuyến khích đầu tư hay còn gọi là ưu đãi đầu tư là các biện pháp được Chính phủ sử dụng để thu hút đầu tư, hướng các dự án đầu tư vào các ngành, các khu vực cần thiết hoặc ảnh hưởng đến tính chất của đầu tư”*. Theo một cách tiếp khác, khuyến khích đầu tư là các biện pháp xúc tác rất đa dạng và phong phú để thu hút đầu tư. Các biện pháp khuyến khích đầu tư có thể được chia ra thành hai nhóm chính: chính sách thuế khóa (tax policy) và chính sách khác không phải là thuế (non-tax policy). Khuyến khích đầu tư hay còn gọi là ưu đãi đầu tư là một công cụ, chính sách nhằm thu hút đầu tư hoặc định hướng đầu tư theo những mục tiêu phát triển nhất định.

Dưới góc độ pháp lý, khuyến khích đầu tư được coi là một trong những biện pháp thu hút nguồn vốn đầu tư một cách hiệu quả. Đặc biệt là trong bối cảnh các quốc gia trên thế giới đều coi vốn đầu tư như là một yếu tố cần thiết và quan trọng giúp nền kinh tế có thể tồn tại và phát triển một cách nhanh chóng. Nên các chính sách khuyến khích đầu tư càng trở nên không thể thiếu ở mỗi quốc gia. Nhận thức được tầm quan trọng đó, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các vấn đề về khuyến khích đầu tư. Đây chính là công cụ hữu ích và phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc tạo lập môi trường có sức cạnh tranh lớn trong lĩnh vực thu hút đầu tư.

Các biện pháp khuyến khích đầu tư được có thể được hiểu là tất cả những quy định do nhà nước ban hành nhằm điều kiện thuận lợi hoặc tạo ra những lợi ích nhất định cho các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài khi tiến hành đầu tư vào nền kinh tế, trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước, của nền kinh tế - xã hội và của các nhà đầu tư. Các biện pháp khuyến

khích đầu tư có thể bao gồm nhiều biện pháp như các biện pháp ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư.

Ở Việt Nam, theo Luật Đầu tư năm 2020, các biện pháp khuyến khích đầu tư bao gồm các biện pháp ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư. Việc vận dụng áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư đều dựa trên cơ sở các lĩnh vực đầu tư và địa bàn đầu tư. Luật đã hoàn thiện các quy định của Luật đầu tư hiện hành về ngành nghề ưu đãi đầu tư cũng như các nguyên tắc, điều kiện áp dụng ưu đãi nhằm đảm bảo thu hút các nguồn vốn đầu tư có chọn lọc, chất lượng, tập trung vào các ngành sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại, dự án sản xuất có quy mô lớn, các dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng nhiều lao động, dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, dự án thực hiện trong các lĩnh vực xã hội hóa đầu tư (y tế, giáo dục, dạy nghề, văn hóa ...)

#### *1.1.3. Các biện pháp ưu đãi đầu tư*

Có rất nhiều định nghĩa về ưu đãi đầu tư nhưng khái niệm ưu đãi đầu tư mà ta có thể hiểu một cách đơn giản nhất đó là việc dành những điều kiện, quyền lợi đặc biệt hơn so với người khác. Theo định nghĩa trên Diễn đàn của Liên hợp Quốc về thương mại và phát triển thì khuyến khích đầu tư hay còn gọi là ưu đãi đầu tư là các biện pháp được Chính phủ áp dụng để thu hút đầu tư, hướng các dự án đầu tư vào các ngành, các lĩnh vực và các khu vực cần thiết hoặc ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến tính chất đầu tư.

Ưu đãi đầu tư là biện pháp làm gia tăng quyền lợi cho một nhóm đối tượng cụ thể, theo đó những đối tượng này có những điều kiện có lợi hơn mà đối tượng khác không được hưởng, làm cho quyền lợi giữa các đối tượng không cân xứng với nhau. Trên thế giới ưu đãi đầu tư có thể chia ra thành hai nhóm chính đó là: chính sách thuế khóa và chính sách không phải thuế khóa.

Tóm lại, có thể hiểu một cách đơn giản ưu đãi đầu tư là tất cả các quy định do Nhà nước ban hành nhằm mang đến cho một nhóm các nhà đầu tư

không kể là trong nước hay quốc tế những điều kiện thuận lợi hay lợi ích nhất định so với các nhà đầu tư khác khi cùng tiến hành đầu tư vào một nền kinh tế, dựa trên các cơ sở hài hòa lợi ích của Nhà nước, của nền kinh tế - xã hội – chính trị và của các nhà đầu tư, nhằm mục đích thu hút vốn đầu tư một cách có hiệu quả.

Các biện pháp ưu đãi chủ yếu bao gồm nhiều biện pháp như các biện pháp ưu đãi về thuế (các trường hợp miễn, giảm thuế hoặc áp dụng một cách tính thuế hợp lý hơn) và các biện pháp ưu đãi liên quan đến các chính sách sử dụng đất, mặt nước, mặt biển và các nguồn tài nguyên khác (miễn giảm tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển, thuế tài nguyên; ưu đãi liên quan đến thời gian thuê).

#### *1.1.4. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư*

Cũng giống như ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư có thể hiểu một cách đơn giản là việc dành những điều kiện, quyền lợi đặc biệt hơn so với người khác. Theo định nghĩa trên Diễn đàn của Liên hợp Quốc về thương mại và phát triển thì hỗ trợ đầu tư là các biện pháp mà Nhà nước sử dụng để thu hút đầu tư, hướng các dự án đầu tư vào các ngành, các khu vực cần thiết hoặc ảnh hưởng đến tính chất đầu tư.

Có thể hiểu đơn giản, Hỗ trợ đầu tư là các biện pháp mà Nhà nước tạo cơ hội cho phép nhà đầu tư được hưởng những điều kiện thuận lợi nhất định về tài chính, hạ tầng kỹ thuật, khoa học công nghệ,...nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

#### *1.1.5. Đặc điểm của các biện pháp khuyến khích đầu tư*

Khuyến khích đầu tư được hiểu là dành những quyền lợi đặc biệt hơn, tốt hơn cho các nhà đầu tư khi họ đầu tư vào những lĩnh vực hoặc địa bàn được khuyến khích đầu tư. Mục đích của khuyến khích, thu hút đầu tư này nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều trong từng giai đoạn của đất

nước. Đồng thời, khuyến khích đầu tư cũng là một trong những chính sách quan trọng để thu hút nhà đầu tư trong nước và ngoài nước.

*- Khuyến khích đầu tư được thể hiện thông qua các quy định của pháp luật do nhà nước ban hành.*

Khuyến khích đầu tư luôn gắn liền với Nhà nước. Mỗi Nhà nước, quốc gia thể hiện ý chí của mình đối với hoạt động đầu tư thông qua các quy định của pháp luật về khuyến khích đầu tư. Chỉ khi điều chỉnh khuyến khích đầu tư bằng pháp luật thì quyền lực Nhà nước mới có ý nghĩa và đem lại hiệu lực, bởi các quy định của pháp luật về khuyến khích đầu tư sẽ được đảm bảo thực hiện thông qua các cơ quan quyền lực của Nhà nước.

*- Khuyến khích đầu tư là công cụ để nhà nước thúc đẩy hoạt động đầu tư.*

Nhà nước có thể sử dụng và áp dụng nhiều công cụ nhiều biện pháp khác nhau như chính sách, kế hoạch đầu tư, đòn bẩy kinh, pháp luật... để thúc đẩy hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, trong số các công cụ, biện pháp này, pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng. Bởi lẽ, với những đặc điểm, tính chất riêng của pháp luật có khả năng triển khai những chủ trương chính sách của Nhà nước một cách nhanh nhất đồng bộ và có hiệu quả nhất trên quy mô toàn xã hội.

*- Khuyến khích đầu tư phản ánh mối quan hệ lợi ích giữa nhà nước và nhà đầu tư.*

Trong mối quan hệ này, Nhà nước là chủ thể quyết định các biện pháp khuyến khích đầu tư; nhà đầu tư là chủ thể nhận ưu đãi, hỗ trợ; khách thể của quan hệ này chính là các biện pháp khuyến khích đầu tư cụ thể như các khoản lợi về thuế tiền thuê đất... Mục đích của việc cấp ưu đãi, hỗ trợ là nhà nước mong muốn thúc đẩy khuyến khích đầu tư vào một số địa bàn và lĩnh vực nhất định theo định hướng phát triển kinh tế của đất nước.

*- Khuyến khích đầu tư tạo điều kiện thuận lợi hơn cho một số nhà đầu tư so với các nhà đầu tư khác.*

Vì yêu cầu đầu tư là công cụ được nhà nước sử dụng để thúc đẩy hoạt động đầu tư vào một số lĩnh vực ngành nghề, địa bàn lãnh thổ theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của đất nước, nên sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn so với những nhà đầu tư khi thực hiện hoạt động đầu tư tại các lĩnh vực ngành nghề, địa bàn này. Tuy nhiên, các lĩnh vực ngành nghề, địa bàn kinh tế này khó khăn, khả năng thu hồi vốn chậm, chịu nhiều rủi ro. Chính vì vậy, Nhà nước dành những khuyến khích đầu tư cho họ để có cơ hội, vị thế cạnh tranh ngang bằng với các đối thủ khác.

*- Các biện pháp khuyến khích đầu tư có thể thay đổi theo thời gian.*

Nhà nước sẽ xác định các lĩnh vực đầu tư vào địa bàn đầu tư trọng điểm, cần thu hút vốn. Tuy nhiên, phụ cấp ưu đãi, hỗ trợ có thể thay đổi theo từng thời kỳ tùy theo tình hình kinh tế - chính trị - xã hội cụ thể nhưng cam kết của nhà nước là không thay đổi bởi nó đảm bảo bằng một bản bản "hợp đồng" được ký kết giữa Nhà nước và nhà đầu tư, đó chính là các điều khoản quy định về các biện pháp đảm bảo đầu tư và hỗ trợ đầu tư tại giấy chứng nhận đầu tư mà Nhà nước cấp cho nhà đầu tư.

#### *1.1.6. Vai trò, ý nghĩa của việc ban hành các biện pháp khuyến khích đầu tư*

Việc ban hành các biện pháp khuyến khích đầu tư là một trong những công cụ quan trọng, thiết yếu thúc đẩy nền kinh tế nói chung và hoạt động đầu tư nói riêng. Chính vì những lý do quan trọng đó mà các biện pháp khuyến khích đầu tư đóng vai trò lớn đối với hiệu quả đầu tư.

*Thứ nhất, các biện pháp khuyến khích đầu tư là cơ sở để các nhà đầu tư quyết định đầu tư.*

Các biện pháp khuyến khích đầu tư là nền tảng, cơ sở để các nhà đầu tư lựa chọn hình thức, lĩnh vực, địa bàn đầu tư bởi hoạt động đầu tư là hoạt động mạng lại nhiều lợi nhuận nhưng cũng mang lại nhiều rủi ro, do đó, việc đầu tư vào một dự án với những đảm bảo đầu tư có lợi, những chính sách ưu đãi, hỗ

trợ cho nhà đầu tư sẽ luôn an toàn, thuận lợi hơn so với việc đầu tư vào một dự án không được ưu đãi, hỗ trợ hoặc ít được ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

*Thứ hai, các biện pháp khuyến khích đầu tư thống nhất quyền lợi của các nhà đầu tư.*

Các biện pháp khuyến khích đầu tư thường bao gồm các chính sách ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác về tài chính... và quyền lợi của các nhà đầu tư sẽ được bảo vệ nhất quán một cách tối đa khi tiến hành thực hiện bất kỳ một dự án đầu tư nào của mình

Có thể thấy khi nhà đầu tư được bảo đảm đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền tự do kinh doanh trong môi trường cạnh tranh, công bằng, lành mạnh đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc tạo lập niềm tin đối với môi trường đầu tư của mỗi quốc gia trong và ngoài nước.

*Thứ ba, các biện pháp khuyến khích đầu tư là điểm tựa cho các hoạt động đầu tư.*

Đặc trưng của các hoạt động đầu tư kinh doanh là chính là khả năng xảy ra rủi ro rất lớn. Chính vì lý do đó, các nhà đầu tư luôn mong muốn có một môi trường đầy đủ thuận lợi với những chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho dự án của mình đầu tư.

Các biện pháp khuyến khích đầu tư chính là một lời cam kết cho các nhà đầu tư, tạo được niềm tin cho các nhà đầu tư và tạo ra cơ chế thủ tục hành chính thông thoáng, giúp cho các dự án đầu tư diễn ra một cách công bằng, minh bạch và hiệu quả. Khi thực hiện hiệu quả biện pháp này, sẽ tạo ra những hiệu ứng ảnh hưởng tốt đến hiệu và thu hút vốn đầu tư

Như vậy, có thể nhận thấy rằng các biện pháp khuyến khích đầu tư là cơ sở của hiệu quả đầu tư. Nếu không có những quy định về khuyến khích đầu tư hợp lý, khoa học thì hoạt động đầu tư không thể đồng nhất và đạt được hiệu quả cao, cũng như là khó thu hút được nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.

## 1.2. Thực trạng quy định pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư

Đầu tư là một yếu tố rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế của một quốc gia. Ngày nay, hoạt động đầu tư kinh doanh chiếm vị trí đặc biệt quan trọng đối với việc phát triển nền kinh tế của đất nước và kinh tế toàn cầu. Để hoạt động đầu tư diễn ra có hiệu quả và kích cầu nền kinh tế quốc gia, cần thiết phải có những biện pháp khuyến khích đầu tư phù hợp để kích thích, thu hút các nhà đầu tư. Tính hấp dẫn của một quốc gia về lĩnh vực đầu tư trước hết thể hiện ở luật pháp đầu tư mà cụ thể là các biện pháp khuyến khích đầu tư. Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật đầu tư, các quy định về khuyến khích đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư có sức hút mạnh mẽ, là mối quan tâm của Việt Nam nói riêng và của mọi quốc gia nói chung.

### *1.2.1. Thực trạng pháp luật về khuyến khích đầu tư của một số nước trên thế giới.*

- Trung Quốc

Có thể nói, Trung Quốc là một mảnh đất rất hấp dẫn các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài. Chính sách khuyến khích đầu tư của Trung Quốc đối với nhà đầu tư được thể hiện rõ nét trong chính sách ưu đãi đầu tư. Cụ thể:

Lĩnh vực và địa bàn khuyến khích đầu tư được Trung Quốc áp dụng từ rất sớm, bắt đầu từ tháng 6 năm 1995, bao gồm các lĩnh vực: Công nghệ nông nghiệp mới; phát triển toàn diện nông nghiệp; tài nguyên năng lượng; các nguyên liệu quan trọng; công nghệ mới và cao; các dự án thu ngoại tệ và định hướng xuất khẩu..v.v...

Các biện pháp ưu đãi đầu tư cụ thể chủ yếu tập trung vào ưu đãi về thuế và các lợi ích tài chính dành cho nhà đầu tư. Trung Quốc thực hiện ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập doanh nghiệp thông qua việc ưu đãi về thuế suất và miễn thuế, giảm thuế trong từng thời kỳ cụ thể: (i) Về mức thuế suất ưu đãi: mức



thuế suất thông thường áp dụng với các doanh nghiệp nằm trong khu kinh tế đặc biệt, khu công nghiệp công nghệ mới và cao, khu phát triển kinh tế và công nghệ được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 15%. Mức thuế suất 24% áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất có vốn đầu tư nước ngoài nằm trong khu vực kinh tế mở ven biển, khu kinh tế đặc biệt. Căn cứ vào lĩnh vực khuyến khích đầu tư, mức thuế suất 15% được dành cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư vào các lĩnh vực như năng lượng, truyền thông, cảng và bến tàu. (ii) Về miễn, giảm thuế: Tùy từng trường hợp, từng thời kỳ cụ thể mà doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập trong vòng 2 năm đầu tiên hoặc hơn 2 năm đầu tư, sau đó được giảm thuế là 50% trong 3 năm đến 6 năm tiếp theo hoặc được giảm thuế 15 % -30% trong 10 năm tiếp kể từ thời điểm dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc bắt đầu đầu đi vào khai thác.

Như vậy, căn cứ để xác định biện pháp khuyến khích đầu tư cũng như một số biện pháp khuyến khích đầu tư cụ thể theo pháp luật đầu tư của Việt Nam hiện nay cũng có nhiều điểm tương đồng với chính sách, pháp luật về khuyến khích đầu tư của Trung Quốc<sup>4</sup>.

Những năm gần đây, môi trường kinh doanh của Trung Quốc được cải thiện rõ rệt, đang trở thành nước thu hút đầu tư ngày càng có sức hút lớn. Trong 7 tháng đầu năm nay 2021, Trung Quốc thu hút hơn 672 tỷ Nhân dân tệ vốn đầu tư nước ngoài, tăng trưởng hơn 25% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong bối cảnh dịch bệnh, môi trường thị trường ổn định khiến Trung Quốc trở thành “điểm nóng” thu hút vốn đầu tư nước ngoài, cũng khiến ngày càng nhiều doanh nghiệp Việt Nam lựa chọn đầu tư vào Trung Quốc.

- Chính sách khuyến khích đầu tư của Ấn Độ

---

<sup>4</sup> Souliya Pouangpadith (2007), *Các biện pháp khuyến khích và bảo hộ đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Luận văn thạc sĩ Luật học Trường Đại học Luật Hà Nội.

Ấn Độ được ghi nhận là quốc gia đã đạt được những bước tiến to lớn trong việc xây dựng một môi trường chính sách để thu hút đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt là từ sau khi nước này tiến hành cuộc cải cách kinh tế năm 1991 (theo cuốn India- Investment Policy Review được xuất bản ngày 4/12/2009, tạm dịch là Ấn Độ- tổng quan chính sách đầu tư).

Ấn Độ đã thành công trong việc thiết lập cơ chế “một cửa” và “một cửa” này có nhiệm vụ giúp cho các nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin về các vấn đề pháp lý, tuyển dụng, đào tạo hoặc bất cứ vấn đề gì liên quan đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư tại Ấn Độ.

Một cơ chế phối hợp đặc lực cùng với cơ chế “một cửa”, đó là sự hoạt động hiệu quả của các Trung tâm xúc tiến đầu tư tại Ấn Độ. Đồng thời, khoảng cách phân biệt giữa Chính phủ Ấn Độ và các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài cũng được rút ngắn. Khi Chính phủ tìm cách thúc đẩy một mục tiêu kinh tế- xã hội đặc biệt nào đó bằng con đường kêu gọi đầu tư thì nhà đầu tư nói chung, nhà đầu tư nước ngoài nói riêng và Chính phủ có thể đàm phán để cùng đưa ra những thỏa thuận dựa trên nguyên tắc cùng có lợi cho cả Chính phủ Ấn Độ và cả nhà đầu tư. Chính sách khuyến khích đầu tư của Ấn Độ xuất phát từ việc đứng về phía các nhà đầu tư để tìm ra những giải pháp nhằm mục đích giảm thiểu được chi phí và tăng cường lợi nhuận cho họ khi tiến hành các dự án đầu tư tại Ấn Độ<sup>5</sup>.

- Chính sách khuyến khích đầu tư của Singapore

Singapore là một trong số những quốc gia thành công nhất trong khu vực ASEAN về thu hút đầu tư nước ngoài có chất lượng mặc dù không có luật riêng về đầu tư. Thay vì ban hành một luật riêng, hoạt động đầu tư ở Singapore được điều chỉnh bởi các luật chung, chẳng hạn như luật chung về

---

<sup>5</sup> Nor Keo Kommadam (2008), *Pháp luật về bảo đảm đầu tư trực tiếp ở nước CHDCND Lào*, Luận văn thạc sĩ Luật học Trường Đại học Luật Hà Nội.

hợp đồng, luật công ty và các luật cụ thể theo ngành. Nhìn chung, không có sự phân biệt đối xử giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt được quy định bởi luật cụ thể.

Singapore đưa ra một loạt sáng kiến khuyến khích đầu tư đối với tất cả các nhà đầu tư, không chỉ riêng đầu tư nước ngoài. Ví dụ, Chương 10 của Luật Khuyến khích mở rộng kinh tế cho phép khấu trừ thuế đối với chi tiêu vốn trong dự án được phê duyệt. Ưu đãi này, bao gồm việc chỉ định các khoản đầu tư như các dự án được phê duyệt, do Hội đồng Phát triển kinh tế (EDB) quản lý và dành cho các công ty trong và ngoài nước.

Vào những năm 1960, Singapore lần đầu tiên đưa ra các chính sách ưu đãi thuế như ưu đãi cho những công ty tiên phong, ưu đãi và hoạt động hỗ trợ đầu tư và ưu đãi khi đặt trụ sở tại Singapore, nhằm thu hút FDI thông qua Luật Khuyến khích mở rộng kinh tế. Năm 2010, đạo luật này được chỉnh sửa nhằm tạo điều kiện cho các dịch vụ kỹ thuật và chuyên nghiệp khác nhau nhằm khuyến khích những ngành bị hạn chế trước đây như ngân hàng, báo chí - in ấn, điện tử viễn thông<sup>6</sup>.

Để giải quyết việc thiếu lao động có kỹ thuật, các công ty được khuyến khích tuyển dụng lao động nước ngoài. Việc đánh 4% thuế đối với chủ sử dụng lao động trả lương cho công nhân thấp hơn mức quy định là cách làm có hiệu quả nhằm buộc các công ty tăng cường nâng cao kỹ năng cho công nhân. Sau các cuộc khủng hoảng năm 1985, tuy mức thuế này được giảm xuống 1%, nhưng vẫn có vai trò quan trọng trong việc nâng cao kỹ năng cho lao động.

Gần đây hơn, EDB đã áp dụng cách tiếp cận theo cụm, tập trung vào những công ty thuộc các ngành điện tử - bán dẫn, hóa dầu và công nghiệp chế

---

<sup>6</sup> <https://phaply.net.vn/chinh-sach-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-hieu-qua-cua-singapore-kinh-nghiem-va-giai-phap-tham-khao-cho-viet-nam-a252502.html>.

biến. Cách tiếp cận theo cụm là một công cụ của chính sách công nghiệp nhằm thu hút FDI, đồng thời, tăng cường các mối liên kết và các tác động lan tỏa; phát hiện các khoảng cách và tiềm năng, giúp Chính phủ có chính sách đối phó với những nguyên nhân cơ bản gây ra sự thất bại của thị trường và có thể hỗ trợ các dịch vụ hoặc chuẩn bị kết cấu hạ tầng cho mục đích sử dụng chung.

Các doanh nghiệp nước ngoài chỉ cần xin cấp giấy phép hoạt động và đăng ký thành lập, thông qua sự kiểm soát của Cơ quan quản lý doanh nghiệp và kế toán (ACRA), với nhiều hình thức như mở công ty con, văn phòng chi nhánh, văn phòng đại diện. Các thủ tục đăng kí này rất rõ ràng và nhất quán, cũng như cơ chế thuế ưu đãi và liên danh hiệu quả công việc cho phép sở hữu nước ngoài 100%.

Không chỉ có vậy, chính phủ Singapore còn tạo điều kiện thuận lợi và dễ dàng về thị thực nhập cảnh và cư trú cho người nước ngoài muốn hoạt động kinh doanh tại Singapore. Với sự hỗ trợ tối đa từ chính phủ thông qua các chương trình và khuyến khích, Singapore được nhìn nhận là nơi dễ dàng nhất thế giới để mở hoạt động kinh doanh cũng như là nền kinh tế cạnh tranh nhất trong khu vực.

Một điểm mạnh khác nữa của Singapore chính là hệ thống thuế, được xem là “đơn giản và thân thiện với nhà đầu tư”. Mức thuế doanh nghiệp cao nhất chỉ là 17%. Đây là mức thuế doanh nghiệp thấp nhất thế giới. Bên cạnh đó, Singapore đã ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần (DTA) với hơn 70 quốc gia trên thế giới, qua đó góp phần quan trọng giảm gánh thuế cho doanh nghiệp nước ngoài. Mạng lưới DTA mở rộng, cùng với thuế tăng vốn và thu nhập cổ tức bằng, đã biến Singapore thành nơi hấp dẫn cho đầu tư kinh doanh thông qua hình thức liên danh.

Tóm lại, có thể thấy các biện pháp khuyến khích đầu tư được ghi nhận tại Luật Đầu tư năm 2020 của Việt Nam nói riêng và trong hệ thống pháp luật chuyên ngành nói chung khá đa dạng và phong phú với các mức độ ưu đãi đầu tư khác nhau, tùy thuộc vào từng trường hợp. Đồng thời, pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư trong pháp luật Việt Nam cũng có những nét tương đồng với pháp luật của một số quốc gia trên thế giới ở những phương diện nhất định.

### *1.2.2. Thực trạng quy định pháp luật về khuyến khích đầu tư tại Việt Nam*

- Các văn bản pháp luật trong nước

Trước khi Luật Đầu tư năm 2005 được ban hành, hệ thống pháp luật về đầu tư được chia làm hai mảng là đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, được điều chỉnh bằng hai hệ thống các quy phạm pháp luật độc lập. Theo đó, các quy định về khuyến khích đầu tư cũng được tách thành hai nhóm các biện pháp khuyến khích đầu tư: Các biện pháp khuyến khích đầu tư dành cho nhà đầu tư trong nước và các biện pháp khuyến khích đầu tư dành cho nhà đầu tư nước ngoài và các biện pháp khuyến khích đầu tư cũng được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau.

Về đầu tư nước ngoài Cơ sở pháp lý đầu tiên đặt nền móng cho việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam là Nghị định số 115/CP ban hành điều lệ đầu tư nước ngoài của Chính phủ ngày 18 tháng 04 năm 1977. Nghị định này ra đời nhằm cụ thể hóa chủ trương “*Thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa nước ta với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng và cũng có lợi, tích cực tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*” của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều 1 của Nghị định quy định: “Chấp thuận đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam và các bên cùng có lợi, không phân

biệt chế độ kinh tế, chính trị- xã hội”. Có thể thấy, Nghị định số 115 / CP đã bước đầu hình thành một môi trường pháp lý đặc thù của nền kinh tế tự do, đối với các doanh nghiệp, tạo tiền đề quan trọng cho những ý tưởng và là cơ sở cho những bước cải cách sau này. Tuy nhiên, Nghị định mới chỉ là quy định về sự thể chế hóa của chính sách quản lý kinh tế tập trung, nên chưa có các quy định cụ thể cho việc thi hành các biện pháp khuyến khích đầu tư dành cho nhà đầu tư nước ngoài.

Đầu những năm 80 của thế kỷ XX, đứng trước nguy cơ nền kinh tế Việt Nam rơi vào khủng hoảng, Bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam đã ra Nghị quyết số 19/1984/NQ-BCT ngày 17 tháng 07 năm 1984 đưa ra đường lối đẩy mạnh giao lưu quốc tế nhằm thu hút đầu tư. Tiếp đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa V ngày 10 tháng 12 năm 1984 ra đời đã đề ra nhiệm vụ hoàn thiện pháp luật đầu tư nước ngoài, đặc biệt là pháp luật về khuyến khích đầu tư nhằm có các chính sách về khuyến khích đầu tư nước ngoài dưới nhiều hình thức, ưu tiên các ngành, lĩnh vực đòi hỏi kỹ thuật cao, xây dựng cơ sở hạ tầng. Theo đó, ngày 31 tháng 12 năm 1987 Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Trong đạo luật này, các biện pháp khuyến khích đầu tư đã được cụ thể hóa thành các quy định pháp luật, tạo cơ sở pháp lý có giá trị cao cho thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Tuy nhiên, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987 được ban hành khi chưa có khung pháp luật chung của nền kinh tế thị trường, các quy định liên quan đến hoạt động thu hút đầu tư và các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đầu tư dành cho nhà đầu tư nước ngoài chưa phản ánh đúng các quy luật của nền kinh tế thị trường, nên chưa đảm bảo yếu tố cạnh tranh lành mạnh và thực sự bình đẳng giữa các nhà đầu tư.

Ngày 30 tháng 6 năm 1990 để tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung

một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987. Theo đó, các quy định về khuyến khích đầu tư đã góp phần thúc đẩy và thu hút đầu tư nước ngoài, cụ thể đó là các biện pháp như các ưu đãi về thuế: Miễn thuế trong (04) bốn năm; hoàn 100 % thuế cho phần lợi tức tái đầu tư... Có thể khẳng định, sau khi Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987 được sửa đổi, bổ sung thì hoạt động đầu tư nước ngoài đã bước sang một giai đoạn phát triển mới, đánh dấu sự thành công của chính sách “mở cửa” hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế có tính cạnh tranh cao thì so với một số nước trong khu vực như Singapore, Thái Lan ... thì các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của pháp luật đầu tư Việt Nam thời kỳ đó chưa thực sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Trước tình hình đó, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam lại một lần nữa được thay đổi và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1992 được ra đời. Đạo luật này đã bổ sung biện pháp bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp pháp luật Việt Nam có thay đổi. Các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cũng được hoàn thiện như: Xây dựng các mức ưu đãi về thuế, giá thuê đất, giá điện nước và công nhân, và một số chính sách hỗ trợ đầu tư khác. Mặc dù vậy, để đáp ứng được yêu cầu phát triển, thay đổi không ngừng của nền kinh tế khi hội nhập quốc tế của Việt Nam thì Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996 lại được ban hành thay thế Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1992 nhằm mục tiêu minh bạch và chuẩn xác hóa các biện pháp thu hút đầu tư. Đạo luật này quy định cụ thể các lĩnh vực, địa bàn khuyến khích đầu tư; quy định lại việc miễn giảm lợi tức như doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể miễn thuế, lợi tức trong một thời gian tối đa là hai năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và được giảm 50 % thuế lợi tức trong thời gian tối đa là bốn năm tiếp theo.... Ngoài ra, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 1996 còn

quy định miễn giảm tiền thuê đất , miễn thuế nhập khẩu các thiết bị máy móc,...

Như vậy, về cơ bản các biện pháp khuyến khích đầu tư được quy định trong Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996 đã có tính hấp dẫn, cạnh tranh cao, song một số quy định pháp lý về thu hút đầu tư có liên quan đến đất đai, chính sách tài chính ... vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài, vì vậy Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000 ra đời. Ngoài việc tiến hành cải tiến chính sách đầu tư liên quan đến thuế, đất đai, thủ tục cấp giấy phép đầu tư hoặc cho phép nhà đầu tư tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được trực tiếp mua ngoại tệ, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000 còn từng bước xóa bỏ bảo hộ đối với nhà đầu tư trong nước, tạo môi trường pháp lý đầu tư bình đẳng.

Về đầu tư trong nước so với pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư nước ngoài, pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư trong nước ra đời muộn hơn. Tuy nhiên, nó đã phản ánh rõ chính sách huy động nguồn vốn đầu tư trong nước và sử dụng có hiệu quả nguồn lực dồi dào trong nước của các thành phần kinh tế. Ngày 22 tháng 06 năm 1994, Quốc hội đã thông qua Luật Khuyến khích đầu tư trong nước. Đây là văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động khuyến khích đầu tư trong nước, tạo động lực thúc đẩy các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất. Tuy nhiên, do môi trường đầu tư chưa thông thoáng, thủ tục đầu tư còn nhiều phức tạp, các biện pháp khuyến khích đầu tư trong nước còn chưa đủ hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước nên kết quả đầu tư còn thấp. Vì vậy, để thúc đẩy hoạt động đầu tư trong nước thì Quốc hội đã thông qua Luật Khuyến khích đầu tư trong nước sửa đổi, bổ sung ngày 20 tháng 05 năm 1998. Theo đó, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước 1998 đã khắc phục được những hạn chế của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước năm 1994, đặc biệt là đã mở rộng phạm vi áp dụng



ưu đãi đối với các hoạt động đầu tư trong nước theo các hình thức hợp đồng BOT, cũng như các biện pháp bảo đảm, hỗ trợ đầu tư trong nước.

Có thể nhận thấy, Luật Đầu tư nước ngoài ở Việt Nam và Luật Khuyến khích đầu tư trong nước có đối tượng điều chỉnh khác nhau, tách bạch, không có sự nhất quán chung về nội dung. Do đó, tạo ra sân chơi không bình đẳng giữa những nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là vấn đề ưu đãi, hỗ trợ đầu tư. Để xảy ra tình trạng phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư đã hạn chế việc phát huy các nguồn lực và ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động thu hút đầu tư. Việc xây dựng Luật đầu tư chung áp dụng thống nhất cho các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài là yêu cầu thiết yếu.

Vì vậy, năm 2005, Luật Đầu tư năm 2005 đã thiết kế một chương riêng để quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư - Luật đầu tư chung đã thống nhất các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cả cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đã ra đời. Sau gần 10 năm thi hành Luật Đầu tư năm 2005 đã bộc lộ nhiều vấn đề bất cập cần được hoàn thiện, đồng thời để đáp ứng yêu cầu thể chế hóa Hiến pháp năm 2013 và yêu cầu phát triển nền kinh tế trong giai đoạn mới, ngày 26/11/2014 tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Đầu tư năm 2014. Về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, Luật tiếp tục quy định tại chương riêng - Chương III với nhiều điểm kế thừa, sửa đổi bổ sung quy định của Luật Đầu tư năm 2005.

Mặc dù được đánh giá là đã góp phần xóa bỏ rào cản trong hoạt động đầu tư, kinh doanh không phù hợp với kinh tế thị trường và cam kết hội nhập của Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, song Luật Đầu tư năm 2014 đã bộc lộ nhiều hạn chế cần được tiếp tục hoàn thiện. Trong đó, quy

định pháp luật về lĩnh vực, ngành, nghề ưu đãi, hỗ trợ đầu tư còn dàn trải; hình thức, tiêu chí, điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư thiếu tính linh hoạt, chưa thật sự hướng mạnh vào việc thu hút các nguồn lực đầu tư nhằm cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên sáng tạo và đổi mới công nghệ, đồng thời thúc đẩy liên kết giữa các ngành, vùng, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... Nhằm khắc phục các hạn chế trên cũng như thực hiện cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Đầu tư năm 2020 với nhiều điểm mới, trong đó có các về các biện pháp khuyến khích đầu tư.

- Các hiệp định liên quan đến khuyến khích đầu tư giữa Việt Nam và các nước khác

Với tầm quan trọng của đầu tư đối với sự phát triển của nền kinh tế, trong quan hệ đối ngoại giữa các nước trong khu vực và trên thế giới luôn luôn không thể thiếu được những thỏa thuận liên quan đến đầu tư. Hầu hết những thỏa thuận đầu tư song phương hoặc đa phương đều được ký kết với ý nghĩa các nước sẽ cùng nhau tiến hành các biện pháp đảm bảo và khuyến khích đầu tư đối với nhau. Việt Nam là một trong những thành viên tích cực ASEAN trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật đầu tư. Mặt khác, cũng là một trong những quốc gia tích cực mở rộng quan hệ đối ngoại nói chung và quan hệ hợp tác thương mại nói riêng với rất nhiều quốc gia khác bằng các hiệp ước quốc tế về khuyến khích và bảo hộ đầu tư. Với hơn 40 hiệp định mà Việt Nam tham gia với các nước khác có liên quan đến lĩnh vực khuyến khích đầu tư đã tạo cho các nhà đầu tư Việt Nam khá nhiều ưu đãi và thuận lợi khi đầu tư vào các nước khác. Đồng thời điều này cũng làm cho bản thân Nhà nước Việt Nam đã và đang tiếp tục ban hành những quy định phù hợp để

khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vốn vào thành lập cơ sở kinh doanh hoặc thực hiện các dự án đầu tư khác trên lãnh thổ Việt Nam.

Tất cả các hiệp định khuyến khích đầu tư mà Việt Nam tham gia đều chứa đựng những ràng buộc hoặc không ràng buộc với Chính phủ Việt Nam trong việc ban hành các biện pháp khuyến khích đầu tư dành cho các nhà đầu tư nước ngoài. Không giống như đối với các biện pháp bảo đảm đầu tư, hầu như các thỏa thuận song phương hoặc đa phương nào cũng bắt buộc các nước thành viên phải thực hiện. Các biện pháp khuyến khích đầu tư có thể chỉ dừng lại ở việc các nước thành viên thỏa thuận cố gắng làm cho pháp luật và thực tiễn quản lý liên quan đến các ưu đãi đầu tư nước ngoài ngày càng nhiều và càng rõ ràng càng tốt (Hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới về việc đối xử với đầu tư nước ngoài; Thỏa thuận năm 1994 của GATT về các biện pháp đầu tư có liên quan đến thương mại; Các nguyên tắc về đầu tư không liên quan đến thương mại; Các nguyên tắc về đầu tư không ràng buộc của APEC). Tuy nhiên, cũng có những hiệp định mà một khi đã tham gia, Việt Nam cũng như tất cả các nước thành viên khác đều phải bắt buộc thực hiện các biện pháp ưu đãi đầu tư mà hiệp định đưa ra. Như đối với các thỏa thuận khuyến khích đầu tư trong khuôn khổ ASEAN, thì các nước thành viên bắt buộc phải thực hiện một số biện pháp chính để khuyến khích đầu tư, như biện pháp không phân biệt đối xử, đối xử quốc gia, các ưu đãi về thủ tục hành chính, các biện pháp liên quan đến việc bắt buộc nước tiếp nhận đầu tư phải cho phép các nhà đầu tư nước ngoài chuyển ra nước ngoài một cách tự do lợi nhuận hợp pháp thu được từ việc đầu tư tại quốc gia tiếp nhận đầu tư nước ngoài.

Năm 2018, Việt Nam còn tham gia đàm phán và ký kết các FTA thế hệ mới như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) hay Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA). Đây là các cam kết rộng và mức độ cam kết cao nhất của Việt Nam từ trước tới nay,

vượt ra khỏi khuôn khổ tự do hóa thương mại hàng hóa. Ngoài cam kết về tự do hóa thương mại hàng hóa và dịch vụ, các nước tham gia còn cam kết trên nhiều lĩnh vực khác như mua sắm Chính phủ, lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp nhà nước, đầu tư,... Hơn nữa, Hiệp định CPTPP được kỳ vọng sẽ giúp Việt Nam có thêm điều kiện, tranh thủ hợp tác quốc tế để phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, triển khai chiến lược hội nhập quốc tế nói chung và chiến lược đối ngoại ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nói riêng, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Thông qua CPTPP sẽ góp phần thúc đẩy hơn nữa đầu tư của các nước vào Việt Nam.

### Tiểu kết chương 1

Tóm lại, chương 1 khái quát chung về các biện pháp khuyến khích đầu tư và thực trạng quy định pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư đề cập đến nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, thu hút vốn đầu tư là đòi hỏi tất yếu của quá trình phát triển đất nước của bất cứ quốc gia nào trên thế giới, nhất là những quốc gia đang phát triển trong đó có Việt Nam. Ở chương này, đã đưa ra khái niệm chung nhất về các biện pháp khuyến khích đầu tư, các biện pháp khuyến khích đầu tư, đặc điểm của các biện pháp khuyến khích đầu tư.

Thứ hai, nhận thức được vai trò của các biện pháp khuyến khích đầu tư, Đảng, Nhà nước và Chính phủ các nước trên thế giới chính phủ các nước luôn có chủ trương, chính sách quan trọng về vấn đề này, điều đó đã được cụ thể hóa trong các quy định pháp luật về biện pháp khuyến khích đầu tư của các nước. Bên cạnh đó, pháp luật về khuyến khích đầu tư

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐẦU TƯ**

#### **2.1. Khái quát về thực trạng áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư theo pháp luật đầu tư tại Việt Nam**

Ngày 17/6/2020, Quốc hội đã biểu quyết thông qua dự án Luật Đầu tư 2020 với 7 chương, 77 điều và 4 phụ lục kèm theo với 446/458 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành (chiếm 92,34% tổng số đại biểu Quốc hội.<sup>7</sup> Luật này có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2021 (trừ những quy định tại khoản 3 Điều 75 Luật này thì sẽ có hiệu lực kể từ ngày 1/9/2020) và thay thế cho Luật Đầu tư 2014 cùng các đạo luật sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư 2014 (sau đây gọi tắt là Luật Đầu tư 2014). Việc ban hành Luật Đầu tư 2020 không những nhằm nâng cao chất lượng khung pháp lý mà còn làm tăng hiệu quả thu hút đầu tư trong nước và quốc tế cũng như đẩy mạnh phát triển kinh tế của đất nước.

Nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của việc xác định giới hạn can thiệp hợp lý từ phía Nhà nước đối với các hoạt động khuyến khích đầu tư nói riêng trong bối cảnh nền kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hiện tại Nhà nước chỉ can thiệp ở tầm vĩ mô và bằng các biện pháp vĩ mô đối với hoạt động kinh tế nói chung và khuyến khích đầu tư nói riêng. Còn những hoạt động mang tính vi mô, vốn dĩ là công việc của các chủ thể kinh tế (ngụ ý là các doanh nghiệp) thì để cho các doanh nghiệp tự quyết định và tự chịu trách nhiệm, nhất là trách nhiệm kinh tế theo sự dẫn dắt của các quy luật thị trường. Thực hiện các hành vi can thiệp trực tiếp và gián tiếp vào hoạt động kinh tế, trong đó có hoạt động khuyến khích đầu tư. Xuất phát từ hoàn cảnh, đặc thù của Việt Nam, mà

---

<sup>7</sup> Theo [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/tpltc/pages\\_r/1/chi-tiet-tin-tpltc?dDocName=MOFUCM180929](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/tpltc/pages_r/1/chi-tiet-tin-tpltc?dDocName=MOFUCM180929)  
Quốc hội thông qua Luật sửa đổi đầu tư

các hoạt động khuyến khích đầu tư có tính đến yêu cầu hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay. Mọi hành vi sao chép một cách máy móc các mô hình quản lý doanh nghiệp của nước ngoài mà không tính đến hoàn cảnh và điều kiện đặc điểm của nền kinh tế Việt Nam là sẽ không phù hợp với tình hình hiện tại. Thậm chí còn có thể gây ra những hậu quả vô cùng bất lợi cho nền kinh tế và xã hội của nước ta.

Có thể khẳng định rằng, so với Luật đầu tư 2014 thì Luật đầu tư 2020 có tinh thần mở hơn, phạm vi điều chỉnh rõ ràng hơn. Cụ thể về các biện pháp khuyến khích đầu tư bao gồm biện pháp ưu đãi đầu tư và biện pháp hỗ trợ đầu tư như:

#### *2.1.1. Các biện pháp về ưu đãi đầu tư*

Có thể nhận thấy các quy định về chính sách ưu đãi đầu tư được quy định tại chương III (từ Điều 15 đến Điều 17 và Điều 20 Luật đầu tư năm 2020).

Với những chính sách mới khuyến khích về ưu đãi đầu tư nhằm kích thích, thúc đẩy quá trình thu hút vốn đầu tư trong nhiều lĩnh vực. Những thay đổi quan trọng và đáng chú ý về các chính sách ưu đãi đầu tư được kỳ vọng sẽ có nhiều hấp dẫn hơn đối các nhà đầu tư tiềm năng.

So với luật đầu tư cũ năm 2014, Luật đầu tư năm 2020 đã bảo đảm sự thu hút nguồn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài có chọn lọc, đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong việc thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của luật đầu tư, các luật thuế và các luật hiện hành có liên quan. Một số điểm thay đổi mới, nổi bật của chính sách ưu đãi đầu tư theo Luật đầu tư 2020 có thể kể đến đó là: Bổ sung thêm hình thức ưu đãi đầu tư; Bổ sung thêm đối tượng ưu đãi đầu tư; Bổ sung thêm ngành nghề ưu đãi đầu tư; Bổ sung quy định về chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt

##### *a) Hình thức ưu đãi đầu tư*

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Luật Đầu tư 2020 thì từ ngày 01/01/2021 sẽ có các hình thức ưu đãi đầu tư sau đây:

*Một là*, ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi này bao gồm áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp;

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu đánh vào thu đánh vào thu nhập của các tổ chức kinh doanh và các cá nhân có thu nhập phát sinh từng lần hoặc trong một khoảng thời gian xác định từ một số nguồn nhất định. Thuế thu nhập doanh nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của các cơ sở kinh doanh. Vì thế thông qua chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế đã tác động lớn đến việc đầu tư vốn, và tổ chức hoạt động kinh doanh của các cơ sở kinh doanh

Nước ta áp dụng các chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế cho các lĩnh vực quan trọng, các ngành mũi nhọn hoặc có lợi thế phát triển và các ngành tạo ra sản phẩm và có sức cạnh tranh cao trong thị trường từng nước. So với các quốc gia trong khu vực, thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam ở mức phổ thông và được áp dụng đối với các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam thấp hơn nhiều quốc gia trong khu vực như: Trung Quốc 15-30%; Indonexia 15-35%; trong khi đó, Việt Nam theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nghị định Nghị định 92/2021/NĐ-CP của thủ tướng chính phủ thì các cơ sở kinh doanh (trừ các cơ sở kinh doanh tiến hành tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí) áp dụng mức phổ thông là 22%, còn đối với các dự án khuyến

khích đầu tư và đặc biệt khuyến khích đầu tư được áp dụng ở mức 17%, 15%, 10%. Thời hạn áp dụng mức thuế suất ưu đãi được pháp luật quy định <sup>8</sup>:

Thuế suất 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm liên tiếp đối với doanh nghiệp công nghệ cao, các dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, các dự án ưu tiên... hay trong lĩnh vực xã hội hóa như hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, giám định tư pháp tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Ngoài ra các dự án hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động như phần thu nhập của hoạt động xuất bản của Nhà xuất bản, hoạt động báo in của cơ quan báo chí, thực hiện các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư... Bên cạnh đó, thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động, miễn thuế 4 năm, giảm thuế 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong các lĩnh vực xã hội hóa, như là trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, giám định tư pháp thực hiện tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn;

Thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở những địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn cũng như địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

Thuế suất 17% được áp dụng trong 10 năm, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Đối với các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, nhà đầu tư được hưởng ưu đãi thuế suất trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án.

---

<sup>8</sup> Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019



*Hai là*, miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu<sup>9</sup>. Hàng hóa nhập khẩu để tạo ra tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, được miễn thuế nhập khẩu, bao gồm: Máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị; Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án; Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được<sup>10</sup>. Trong đó, việc miễn thuế nhập khẩu cho với các hàng hóa trên đều được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng;

*Ba là*, miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước, thuế sử dụng đất, mặt đất đối với các dự án được khuyến khích đầu tư;<sup>11</sup>

Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 18 năm và giảm 55% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định 29/2021/QĐ-TTg.

Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 20 năm và giảm 65% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định 29/2021/QĐ-TTg.

Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 22 năm và giảm 75% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế

---

<sup>9</sup> Theo CÔNG VĂN 12166/BTC-TCHQ - <https://thutucxuathapkhau.vn/cong-van-12166-btc-tchq/>

<sup>10</sup> Căn cứ vào quy định Khoản 11 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016

<sup>11</sup> Quyết định 29/2021/QĐ-TTg

thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định 29/2021/QĐ-TTg.

*Bốn là*, khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế (trước đây không quy định hình thức này). Luật Đầu tư 2020 đã bổ sung thêm hình thức ưu đãi đầu tư mới đó chính là khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế. Theo đó, khấu hao nhanh là việc trích khấu hao theo hướng dẫn nhanh quá trình thu hồi vốn trong những năm đầu sử dụng tài sản cố định.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Luật Đầu tư 2020 thì đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư từ ngày 01/01/2021 bao gồm: Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định; Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định; Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời có một trong các tiêu chí sau<sup>12</sup>: có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động; Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; Dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên; Dự án đầu tư sử dụng lao động là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật; Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ; Dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; Cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, pháp luật về khoa học và công nghệ; doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị,

---

<sup>12</sup> Theo Điều 19. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư 2020

sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển; Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; Đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; Đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.<sup>13</sup>

*b) Đối tượng ưu đãi đầu tư*

Nghị định 31/2021/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, trong đó, Nghị định quy định rõ một số vấn đề liên quan đến các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư.

Cụ thể, tại Điều 19 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định về các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư. Các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư thì được quy định tại Phụ lục II của Nghị định gồm các lĩnh vực sau: Công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghệ hỗ trợ; Nông nghiệp; Bảo vệ môi trường, xây dựng kết cấu hạ tầng; Văn hoá, xã hội, thể thao, y tế và Các ngành, nghề khác. Các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn thì được quy định tại Phụ lục III của Nghị định gồm các huyện, thành phố của 54 tỉnh thành khắp cả nước và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thành lập theo quy định của Chính phủ.

---

<sup>13</sup> Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội, hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2018

Ngoài ra, các dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên được áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Luật đầu tư khi đáp ứng đủ điều kiện. Dự án đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Luật đầu tư gồm: Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở; Dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động thường xuyên bình quân hằng năm trở lên hoặc sử dụng từ 30% số lao động thường xuyên bình quân hằng năm trở lên là người khuyết tật theo quy định của pháp luật. Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Trung tâm đổi mới sáng tạo do cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập nhằm hỗ trợ thực hiện các dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, thành lập doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, thực hiện hoạt động thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển trung tâm đáp ứng điều kiện và dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 7,8 Điều 19 Nghị định 31/2021/NĐ-CP được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 15 Luật đầu tư.

Bên cạnh đó, chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 15 Luật đầu tư là mạng lưới các trung gian thực hiện phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa đến người tiêu dùng đáp ứng các điều kiện sau<sup>14</sup>: Có ít nhất 80% số doanh nghiệp tham gia là doanh nghiệp nhỏ và vừa; Có ít nhất 10 địa điểm phân phối hàng hoá đến người tiêu dùng; Tối thiểu 50% doanh thu của chuỗi được tạo ra bởi các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia trong chuỗi. Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp

---

<sup>14</sup> Căn cứ vào quyết định 5742/QĐ-UBND 2020 Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025

sáng tạo được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 15 Luật đầu tư là cơ sở được thành lập theo quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*c) Ngành nghề ưu đãi đầu tư*

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư 2020 và nghị định này có hiệu lực ngay tại ngày ký tức ngày 26 tháng 3 năm 2021. Theo Nghị định 31/2021/NĐ-CP, thì các danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư bao gồm: Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ (08 ngành, nghề); Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp (08 ngành, nghề); Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xây dựng kết cấu hạ tầng (06 ngành, nghề); Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, thể thao, y tế (10 ngành, nghề). Ngoài ra, tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 31/2020/NĐ-CP còn quy định danh mục các ngành nghề ưu đãi đầu tư.<sup>15</sup>

*d) Chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt*

Có thể nói chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt là điểm mới nổi bật trong chính sách ưu đãi đầu tư của luật đầu tư 2020 so với quy định cũ của luật đầu tư 2014 khi đã cho phép việc áp dụng ưu đãi đặc biệt để tạo cơ chế, chính sách đủ sức hấp dẫn thu hút dòng vốn FDI đang dần dịch chuyển nhanh chóng vào Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa như này nay. Việc áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt giúp khuyến khích phát

---

<sup>15</sup> Tham khảo tại <https://luatvietan.vn/danh-muc-nganh-nghe-uu-dai-dau-tu.html> Danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư 2022

triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội do chính phủ quyết định và được áp dụng đối với những đối tượng sau đây<sup>16</sup>:

+ Đầu tiên đó chính là đối với những dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng đầu tư dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Thứ hai, là những dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

Mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt: Mức ưu đãi, hỗ trợ và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai. Luật đầu tư năm 2020 đã bổ sung những quy định cho phép Thủ tướng Chính phủ áp dụng ưu đãi đặc biệt để tạo ra những cơ chế, chính sách đủ sức hấp dẫn, là đòn bẩy, kịp thời thu hút dòng vốn FDI đang dịch chuyển nhanh chóng trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa như này nay (cho phép áp dụng ưu đãi tối đa thêm 50%).

Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt trên không thì được áp dụng đối với các trường hợp sau đây: Một là, các dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành; Hai là dự án đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật Đầu tư 2020.

---

<sup>16</sup> Quyết định 29/2021/QĐ-TTg quy định về mức, thời gian và điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư.

Trong nhiều trường hợp cần khuyến khích để phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, thì Chính phủ trình Quốc hội ra quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật Đầu tư 2020 và các luật khác.

*e) Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư*

Theo Điều 17 luật đầu tư năm 2020, thì nhà đầu tư sẽ tự xác định cho mình những ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại các cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan và cơ những quan khác có thẩm quyền tương ứng với từng loại ưu đãi đầu tư, căn cứ vào: Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có); Quy định khác của pháp luật có liên quan.

Về trình tự, thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư đã được hướng dẫn chi tiết cụ thể tại Điều 23 Nghị định 31/2021/NĐ-CP như sau:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư quy định hình thức, căn cứ, điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định tại các Điều 15 và 16 của Luật Đầu tư và Điều 19 của Nghị định 31.

- Căn cứ vào nội dung ưu đãi đầu tư tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan áp dụng ưu đãi đầu tư tương ứng với từng loại ưu đãi.

- Căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư đối với một số doanh nghiệp, dự án đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định 31 gồm: Đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ là Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Đối với doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Đối với dự án ứng dụng công nghệ cao là Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ

cao; Đối với dự án công nghiệp hỗ trợ là Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; Đối với dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao là Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định trên, nhà đầu tư căn cứ đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư quy định tại Điều 19 của Nghị định 31, quy định của pháp luật có liên quan để tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan áp dụng ưu đãi đầu tư tương ứng với từng loại ưu đãi.

#### *2.1.2. Các biện pháp về hỗ trợ đầu tư*

Các quy định về các biện pháp hỗ trợ đầu tư được quy định tại Điều 18 và Điều 19 trong Luật đầu tư 2020.

Căn cứ vào quy định tại Điều 18 của Luật đầu tư 2020, quy định về các hình thức hỗ trợ đầu tư bao gồm:

- a) Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư;
- b) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;
- c) Hỗ trợ tín dụng;
- d) Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước;
- đ) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ;
- e) Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin;
- g) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

*Một là, hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án.*



Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương sẽ căn cứ vào quy hoạch tổng thể của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển và tổ chức xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các khu chức năng thuộc khu kinh tế. Nhà nước sẽ hỗ trợ một phần vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước và vốn tín dụng ưu đãi để phát triển đồng bộ các hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp tại địa bàn kinh tế – xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo chương trình mục tiêu đề ra đầu tư hạ tầng khu công nghiệp được phê duyệt trong từng giai đoạn và áp dụng các phương thức huy động vốn khác để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu kinh tế, khu công nghệ cao.

Nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho các hoạt động như: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn, vật liệu nổ trong khu công nghệ cao, các khu chức năng trong khu kinh tế; Bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu nhà ở cho người lao động và khu tái định cư, tái định canh cho người bị thu hồi đất trong khu kinh tế, khu công nghệ cao; Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung và hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường của khu công nghệ cao, các khu chức năng trong khu kinh tế; Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung và hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường của khu công nghệ cao, các khu chức năng trong khu kinh tế.<sup>17</sup>

Ngoài ra, các khu công nghệ cao còn được hưởng những hỗ trợ đầu tư khác theo quy định pháp luật về khu công nghệ cao.

*Hai là, hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.*

---

17

Theo đó, nhà nước đã và đang hỗ trợ doanh nghiệp cải thiện năng lực quản trị sản xuất kinh doanh, nâng cao nhận thức, chất lượng và hiệu quả hoạt động, hướng dẫn lập kế hoạch, tổ chức và quản lý thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực. Sử dụng ngân sách nhà nước để chi trả chi phí cho khóa học, đào tạo nhân lực.

*Ba là, hỗ trợ tín dụng*

Có thể khẳng định vốn tín dụng đầu tư nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và năng lực, chất lượng sản xuất của nền kinh tế trong thời gian qua, góp phần thu hút nguồn đầu tư có hiệu quả vào các địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn theo mô hình mục tiêu và định hướng phát triển của Nhà nước; tập trung nguồn vốn thực hiện chủ trương xã hội hóa trong các lĩnh vực như là y tế, giáo dục, nhà ở, bảo vệ môi trường,... để góp phần nâng cao dịch vụ công cộng và đảm bảo an sinh xã hội.

*Bốn là, hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất ra khỏi nội thành, nội thị.*

Do đó, Chính phủ đã đưa ra nhiều những chính sách ưu đãi và biện pháp hỗ trợ phù hợp để doanh nghiệp nhanh chóng chấp hành chuyển hoặc di dời cơ sở sản xuất ra khỏi nội thành, khu đô thị. Ví dụ như Bộ Xây dựng lập danh mục, cụ thể hóa các tiêu chí, lộ trình và đưa ra các biện pháp di dời các cơ quan, đơn vị cần di dời ra ngoài khu vực nội thành hay Bộ Lao động – thương binh và xã hội lập danh mục, cụ thể hóa các tiêu chí, lộ trình và đưa ra biện pháp di dời các cơ sở giáo dục, nghề nghiệp cần di dời ra ngoài khu vực nội thành Hà Nội, Bộ Tài chính sớm ban hành ra các cơ chế tài chính để khuyến khích, khai thác quỹ đất có hiệu quả quỹ đất di dời; Cơ chế khuyến

khích được doanh nghiệp tích cực chuyển đổi ngành nghề, chuyển mục đích đất phù hợp với quy hoạch hoặc tự nguyện di dời.

*Năm là, hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ.*

Tại Nghị định 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, hỗ trợ cho các doanh nghiệp có dự án thuộc các ngành, nghề, lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư để nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.

Cụ thể, để nhận được sự hỗ trợ thì các doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ 3 điều kiện đó là đầu phải có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư; Thứ hai là có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ); Thứ ba là công nghệ được chuyển giao thuộc dự án có ngành nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư 2020.

Về hình thức hỗ trợ là cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay để thực hiện việc chuyển giao công nghệ; hỗ trợ kinh phí gián tiếp thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc hỗ trợ trực tiếp.

Về nội dung hỗ trợ đối với hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc hỗ trợ trực tiếp để phục vụ cho các hoạt động cải tiến, đổi mới công nghệ, sử dụng tối đa nguồn lực, hiệu suất; nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm trong quá trình thực hiện chuyển giao công nghệ bao gồm: Được ưu tiên đưa vào danh mục nhiệm vụ tuyển chọn, giao trực tiếp và được hỗ trợ theo quy định của chương trình, quỹ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ; được hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào

tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp đối với hỗ trợ trực tiếp.

Về mức hỗ trợ, ngoài hưởng các ưu đãi đối với ngành, nghề lĩnh vực ưu đãi đầu tư và địa bàn đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp còn được hưởng mức hỗ trợ áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành đối với nguồn kinh phí hỗ trợ được bố trí từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nguồn ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ và kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp được còn được hỗ trợ tối đa 2%/năm lãi suất vay từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án; được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định của các quỹ, tổ chức tín dụng cho vay ưu đãi đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án.

*Sáu là, hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin.*

Bộ Kế hoạch và đầu tư công bố công khai số lượng, thông số cơ bản về doanh nghiệp trên cổng thông tin [dangkydoanhnghiep.gov.vn](http://dangkydoanhnghiep.gov.vn)

*Bảy là, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.*

Các chính sách hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm đều được quy định tại Điều 9 của Thông tư 29/2018/TT-BTC về hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, các quy định cụ thể tỉ lệ với mức hỗ trợ đối với từng nội dung lĩnh vực cụ thể.

Ngoài ra Điều 19 Luật đầu tư 2020 còn quy định về hỗ trợ phát triển hệ thống cơ sở vật chất hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Có thể nhận thấy, những biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư là cơ sở để định hướng cho các nhà đầu tư lựa chọn ra hình thức, lĩnh vực cũng như địa bàn đầu tư nào phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp. Bằng các biện pháp cụ thể, pháp luật đầu tư đã tạo ra hành lang pháp lý kiên cố đảm bảo sự cần thiết về mặt pháp lý để các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thể yên tâm trong quá trình thành lập và triển khai dự án tại Việt Nam. Có thể khẳng định, các biện pháp này được xây dựng trên những tiêu chí như là tính đơn giản, minh bạch trong các quy định và cách thức áp dụng chúng trong thực tế thế; tính công bằng trong tương quan so sánh với các nhà đầu tư khác và tính hiệu quả đối với việc giảm bớt chi phí về tài chính và thời gian của các nhà đầu tư. Hơn nữa, quyền lợi của các nhà đầu tư được bảo vệ một cách tối đa, hiệu quả và nhất quán trong hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia.

Đồng thời, các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư thường bao gồm các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ về tài sản và vốn góp hợp pháp của các nhà đầu tư, các biện pháp này bảo đảm công bằng cho các nhà đầu tư, đảm bảo quyền tự do kinh doanh của các nhà đầu tư khi tiến hành thực hiện các dự án đầu tư của mình. Chính từ những mục tiêu ban đầu có thể nhận thấy, việc ghi nhận các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trong các văn bản pháp lý thừa nhận trên thực tiễn rất được đề cao và có ý nghĩa vô cùng quan trọng, có sức ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động đầu tư cả về số lượng và chất lượng. Các biện pháp này góp phần không nhỏ tạo ra môi trường đầu tư bình ổn, văn minh từ đó nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư.

Các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đã và đang cải tạo môi trường đầu tư một cách tích cực hơn, hiệu quả hơn. Ngày nay xu hướng quốc tế hóa

về đầu tư đã tạo ra những luật đầu tư không còn giới hạn trong khuôn khổ biên giới một quốc gia . Ngày càng có nhiều hoạt động đầu tư xuyên biên giới ở tất cả các nước trên thế giới được thực hiện. Do đó, các quy định về các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư giúp các nhà đầu tư yên tâm thực hiện các khoản đầu tư của mình, ít nhất là trong các vấn đề cơ bản liên quan đến lợi ích trực tiếp của các nhà đầu tư.

Các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đã và đang góp phần tăng thu hút đầu tư một cách hiệu quả cả về số lượng và chất lượng trong nước ta làm cho nền kinh tế trong giai đoạn mới tăng trưởng một cách thần kỳ và mạnh mẽ. Một hệ thống các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tốt chính là một trong những yếu tố giúp Nhà nước, quốc gia có môi trường đầu tư tốt từ đó thúc đẩy được nền kinh tế - xã hội của toàn bộ đất nước. Việc ban hành các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cũng thể hiện thái độ đầy thiện chí cũng như nỗ lực của Nhà nước, quốc gia đó trong việc thúc đẩy các nhà đầu tư đầu tư vào và tìm kiếm lợi nhuận. Các biện pháp này có thể tác động mạnh mẽ trực tiếp hoặc gián tiếp tới hiệu quả đầu tư

Tóm lại, các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư là những minh chứng rõ ràng và thuyết phục nhất cho sự an toàn cũng như sự ổn định của nguồn vốn đầu tư, góp phần làm tăng thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, đây chính là công cụ phản ánh rõ nét nhất thái độ của Nhà nước đối với các nhà đầu tư và dự án của họ đồng thời nhằm vào một mục đích cao hơn đó là thúc đẩy sự phát triển chung của nền kinh tế - xã hội của đất nước

Có thể thấy, với sự ra đời của Luật Đầu tư 2020 pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư hiện hành đã kế thừa nền tảng các quy định trước đây, đồng thời đã có sự bổ sung, hoàn thiện, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước, đảm bảo quyền và lợi ích của nhà đầu tư từ đó góp phần cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư trong và ngoài

nước, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Các biện pháp khuyến khích đầu tư đã và đang thực sự trở thành công cụ pháp lý hữu hiệu trong việc tạo động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh cũng như bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhà đầu tư tại Việt Nam. Pháp luật đã quy định rõ việc nhà nước khuyến khích nhà đầu tư đưa vốn và công nghệ hiện đại vào những lĩnh vực, địa bàn được ưu tiên phát triển thông qua các chính sách về thuế, ngoại hối, sử dụng mặt đất,... Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030 là: *“Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh...”*. Trước đó, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 50/NQ-TW ngày 20/8/2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030. Đây là những chủ trương, định hướng quan trọng cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đầu tư của Việt Nam trong thời gian tới. Theo đó, để các quy định của pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư phát huy hiệu quả trên thực tiễn, thu hút được nhiều hơn nữa nguồn lực cho phát triển kinh tế cần phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam.

Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng trên thực tế các quy định về khuyến khích đầu tư vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định.

*Thứ nhất*, Luật Đầu tư 2020 mới chỉ quy định về nguyên tắc và điều kiện ưu đãi đầu tư chứ không quy định cụ thể các yêu cầu đặt ra đối với doanh nghiệp nhận hỗ trợ.

*Thứ hai*, so với Luật Đầu tư năm 2014 thì Luật Đầu tư 2020 đã quy định cụ thể đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt tại Điều 20 tuy

nhiên Luật chưa đưa ra hướng dẫn cụ thể về các hình thức ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt.

*Thứ ba*, quản lý nhà nước về đầu tư còn chưa minh bạch, rõ ràng, quy định pháp luật về các thủ tục hành chính còn phức tạp, lằng nhằng,...

*Thứ tư*, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Liên quan đến vấn đề ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, Nghị định đã có giải thích về dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, Nghị định và các văn bản có liên quan chưa giải thích về cách xác định sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ để làm căn cứ xét hưởng ưu đãi.

*Thứ năm*, bất cập trong thu hút và sử dụng FDI ở Việt Nam như: tỷ lệ dự án sử dụng công nghệ cao còn thấp, chưa thu hút được công nghệ nguồn, chưa có sự bứt phá trong xu thế thu hút sử dụng FDI (các dự án chỉ mới tập trung khai thác tài nguyên, thị trường, lắp ráp, gia công sử dụng nhiều lao động, tiêu tốn năng lượng); tác động lan tỏa từ khu vực FDI đến doanh nghiệp trong nước còn hạn chế, công tác quản lý nhà nước còn bất cập (chuyển giá, lao động).

Những bất cập này đã và đang ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường đầu tư nói chung và khả năng thu hút vốn đầu tư nói riêng, đòi hỏi cần phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam.



## 2.2. Khái quát thực tiễn áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư theo luật đầu tư tại Việt Nam

### 2.2.1. Kết quả đạt được

- *Kết quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam<sup>18</sup>*

Có thể nhận thấy, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là dòng vốn đặc biệt quan trọng cho mỗi Nhà nước và quốc gia tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần bổ sung vốn, công nghệ, cũng như là năng lực quản lý, khả năng kinh doanh, khả năng tổ chức và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu hóa hiện nay.

Trong năm 2021, mặc dù dịch bệnh Covid -19 đang diễn biến phức tạp nhưng vốn FDI vào Việt Nam đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020. Điều này có thể khẳng định các nhà đầu tư nước ngoài đang đặt niềm tin rất lớn vào môi trường đầu tư Việt Nam. Vốn đầu tư đăng ký mới và điều chỉnh đều tăng so với năm 2020, đặc biệt vốn điều chỉnh đã tăng mạnh lên tới 40,5%.

Bước sang năm 2022, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam được kỳ vọng tăng mạnh trở lại nhờ những chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn và chủ trương mở cửa trở lại nền kinh tế sau hai năm đóng cửa bởi dịch bệnh Covid-19. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20 tháng 3 năm 2022 đạt 8,91 tỷ USD, giảm 12,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đăng ký cấp mới có 322 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 3,21 tỷ USD, tăng 37,6% về số dự án và giảm 55,5% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 2,19 tỷ USD, chiếm 68,2% tổng vốn đăng ký cấp mới; hoạt động kinh

---

18

doanh bất động sản đạt 599,9 triệu USD, chiếm 18,7%; các ngành còn lại đạt 422,7 triệu USD, chiếm 13,1%.

Trong số 35 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2022, Đan Mạch là nhà đầu tư lớn nhất với 1,32 tỷ USD, chiếm 41,1% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Xin-ga-po 626,6 triệu USD, chiếm 19,5%; Trung Quốc 379,5 triệu USD, chiếm 11,8%; Đài Loan 219,9 triệu USD, chiếm 6,8%; Đặc khu hành chính Hồng Công (Trung Quốc) 191,7 triệu USD, chiếm 6%.

– Vốn đăng ký điều chỉnh của 228 lượt dự án (đã cấp phép từ các năm trước) với số vốn đầu tư tăng thêm 4,07 tỷ USD, tăng 93,3% so với cùng kỳ năm trước.

Theo ngành, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt gần 5 tỷ USD, chiếm 68,7% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,71 tỷ USD, chiếm 23,5%; các ngành còn lại đạt 569,6 triệu USD, chiếm 7,8%.

– Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 734 lượt với tổng giá trị góp vốn 1,63 tỷ USD, tăng 102,6% so cùng kỳ năm trước. Trong đó có 341 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 819,7 triệu USD và 393 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 811,4 triệu USD. Đối với hình thức góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư vào hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 992,9 triệu USD, chiếm 60,9% giá trị góp vốn; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 300,6 triệu USD, chiếm 18,4%; ngành còn lại 337,7 triệu USD, chiếm 20,7%.

Các số liệu dẫn chứng cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài đã coi Việt Nam như là một điểm đến đầu tư an toàn, thể hiện sự tin tưởng về môi trường đầu tư kinh doanh, tiếp tục mở rộng đầu tư tại Việt Nam, khi Việt

Nam kiểm soát tốt dịch Covid-19, nền kinh tế phục hồi và tăng trưởng trở lại trong trạng thái bình thường mới.

- *Kết quả thu hút vốn đầu tư đạt được tại Hà Nội<sup>19</sup>*

Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội thì từ năm 2018-2019, Hà Nội vẫn đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Giai đoạn 2016-2020, ước tính Hà Nội đã thu hút khoảng 25 tỷ USD nguồn vốn này. Đặc biệt, là các dự án có vốn đầu tư nước ngoài tại Hà Nội đang được chọn lọc theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và phát triển một cách bền vững.

Vào giai đoạn 2016-2020, ước tính Hà Nội thu hút 25 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài và là địa điểm thu hút các nhà đầu tư sáng trên phạm vi cả nước. Trong vòng hai năm liên tiếp 2018 và 2019, Hà Nội dẫn đầu cả nước về kết quả thu hút nguồn vốn này. Tháng 9 tháng năm 2020, Hà Nội thu hút 3,28 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài, một kết quả đáng ghi nhận trong bối cảnh hoạt động đầu tư toàn cầu suy giảm do dịch bệnh Covid-19. Hiện nay thành phố có khoảng 6.278 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đạt trên 47,7 tỷ USD, giải ngân đạt trên 28,5 tỷ USD.

Cho đến nay, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp 12,8% về vốn, 10,4% về thu ngân sách và góp phần tích cực trong chuyển giao công nghệ, tạo công ăn việc làm cũng như đào tạo trình độ, kỹ năng cho người lao động. Tiêu biểu như Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển mới tại Việt Nam của Samsung (Hàn Quốc) đặt tại Khu đô thị Tây Hồ Tây có quy mô lớn nhất Đông Nam Á, với số vốn đầu tư 220 triệu USD, nhằm nghiên cứu, phát triển sản phẩm, trí tuệ nhân tạo, kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, mạng 5G... Hay những dự án phát triển thành phố thông minh khu vực Bắc sông Hồng (hai bên tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài), do Tập đoàn BRG (Việt Nam) và Tập

---

<sup>19</sup> Theo <http://www.hanoimoi.com.vn/ban-in/Kinh-te/979658/thu-hut-von-dau-tu-nuoc-ngoai-tai-ha-noi-chon-loc-nang-chat-luong-hieu-qua>

đoàn Sumitomo (Nhật Bản) hợp tác có số vốn đầu tư 4 tỷ USD, nhằm hình thành các trung tâm thương mại, tài chính... hiện đại mang tầm khu vực.

- *Kết quả thu hút vốn đầu tư đạt được tại Thành phố Hồ Chí Minh<sup>20</sup>*

Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, trong năm 2021, do ảnh hưởng bởi tình hình dịch COVID-19 trên thế giới và Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện giãn cách xã hội nhằm kiểm soát dịch bệnh. Điều này đã tác động không nhỏ đến hầu hết các hoạt động kinh tế, bao gồm cả hoạt động đầu tư và các hoạt động đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI). Tuy nhiên, điểm sáng quan trọng là vốn đầu tư từ các dự án cấp mới và điều chỉnh trong năm 2021 vẫn tăng cao so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến cuối tháng 12 năm 2021, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Thành phố Hồ Chí Minh là 3,74 tỷ USD gồm vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, giảm 14,2% so với năm trước. Nếu chỉ tính riêng dự án cấp mới và điều chỉnh vốn đầu tư thì số vốn năm 2021 đạt 1,81 tỷ USD, tăng 53,7% so với năm trước.

Cụ thể, cấp phép đầu tư mới có 633 dự án với vốn đăng ký đạt 686,6 triệu USD; trong đó, đáng chú ý có dự án Công ty TNHH Thương mại dịch vụ C&N Global có vốn đăng ký đạt 101 triệu USD, giảm 33,4% so với cùng kỳ năm trước về số giấy phép và tăng 7,7% về vốn.

Vốn đăng ký bình quân một dự án đạt 1,08 triệu USD (năm 2020 là 0,67 triệu USD) chủ yếu tập trung ở kinh doanh bất động sản, thông tin truyền thông và thương nghiệp. Trong số đó, ngành kinh doanh bất động sản chiếm 31,2% về vốn đăng ký cấp mới, tương đương là 214,1 triệu USD; thông tin và truyền thông chiếm 30,1%, vốn đăng ký là 206,6 triệu USD và thương nghiệp chiếm 17,9%, vốn đăng ký đạt 123,2 triệu USD.

---

<sup>20</sup> Theo <https://www.vietnamplus.vn/tphcm-von-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-tang-gan-54-trong-nam-2021/765822.vnp>

Về quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư, các nhà đầu tư từ Singapore dẫn đầu với 104 dự án, vốn 310 triệu USD (chiếm 45,2%); Hàn Quốc 80 dự án, vốn đầu tư 125,2 triệu USD (chiếm 18,2%); Hà Lan 20 dự án, vốn đăng ký 87,5 triệu USD (chiếm 12,7%); Nhật Bản 55 dự án, vốn đầu tư 71,4 triệu USD (chiếm 10,4%).

Theo hình thức đầu tư thì có 581 dự án 100% vốn nước ngoài với tổng vốn đăng ký là 563,3 triệu USD; liên doanh có 52 dự án, vốn đăng ký là 123,4 triệu USD.

Về điều chỉnh vốn đầu tư, các cơ quan chức năng của thành phố cũng cấp phép cho 178 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm là 1,125 tỷ USD; trong đó, có một số dự án có vốn điều chỉnh tăng cao như dự án của Công ty TNHH Nipro Việt Nam 270 triệu USD; Công ty TNHH Elanco Việt Nam 229,9 triệu USD; Công ty TNHH Jabil Việt Nam 100 triệu USD.

Từ những kết quả trên có thể thấy rằng Việt Nam đang rất chú trọng quan tâm về các biện pháp khuyến khích đầu tư trong việc thu hút vốn đầu tư, đặc biệt là các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

Các chính sách về Luật đầu tư 2020 đã và đang áp dụng một cách có hiệu quả, phù hợp với các hiệp định quốc tế mà Việt Nam đã tham gia bên cạnh đó phát huy được toàn bộ nguồn nhân lực cũng như đặc điểm tự nhiên của đất nước. Đặc biệt, các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cũng ngày càng được hoàn thiện cùng với quá trình hệ thống pháp luật về đầu tư ngày càng đầy đủ và hoàn chỉnh, tạo ra hành lang pháp lý ngày càng thông thoáng, thuận lợi cho các nhà đầu tư.

Việt Nam luôn tập trung phát huy những kết quả cải cách thủ tục hành chính đã đạt được, bảo đảm tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng được duy trì 100%, hải quan điện tử đạt 100%...; các thủ tục hành chính khác được giải quyết đúng hạn. Đặc biệt, nước ta đã thường xuyên tổ chức các hội nghị

chuyên đề đối thoại với doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

### *2.2.2. Một số tồn tại hạn chế trong thực tiễn áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam*

Bên cạnh những kết quả mà Việt Nam đã đạt được thì môi trường đầu tư tại Việt Nam vẫn còn một số hạn chế như:

*Thứ nhất*, có thể thấy nông nghiệp đang giữ vai trò quan trọng là trụ đỡ của nền kinh tế nước ta, thế nhưng trong lĩnh vực này chưa thu hút được sự đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước để bứt phá phát triển nhanh mẽ hơn. Cụ thể, năm 2020, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào nông nghiệp (ngành hàng nông, lâm, thủy sản) chỉ chiếm 0,97% tổng vốn FDI vào Việt Nam. Đến hết năm 2019, có 4.028 dự án FDI đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn đăng ký 38,95 tỷ USD nhưng chỉ có khoảng 1,61% số dự án và 3,5 tỉ USD đổ vào nông nghiệp. Trong khi nguồn vốn FDI đổ vào bất động sản là 16%, buôn bán lẻ là 2,24%, xây dựng là 2,86%...<sup>21</sup>

Kết quả này thể hiện sự trái ngược với những lợi thế và tiềm năng phát triển nông nghiệp của nước ta. Trong khi đó Việt Nam - quốc gia luôn nằm trong top 5 các nước xuất khẩu nhiều nhất thế giới về gạo, cà phê, hạt tiêu, cao su, thủy sản... và gần chục mặt hàng nông sản có giá trị xuất khẩu hàng tỷ USD/năm.

*Thứ hai*, việc thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp đang dần chậm lại và ngày càng trở lên khó khăn. Nhiều khu kinh tế, khu công nghiệp tại địa bàn kém phát triển có tỷ lệ bỏ trống vẫn còn cao và thu hút được ít vốn, mặc dù được hưởng ưu đãi thuế ở mức cao. Cụ thể, tính đến cuối tháng 9/2021, tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp đã thành lập trên cả nước đạt khoảng 52,5%. Nếu tính riêng các khu công nghiệp đã đi vào hoạt động thì tỷ

---

<sup>21</sup> Theo <https://www.bienphong.com.vn/hut-fdi-vao-nong-nghiep-post435819.html>

lệ lấp đầy đạt khoảng 70,9%, xấp xỉ so với cuối năm 2020<sup>22</sup>. Tuy nhiên, tỷ lệ này tại nhiều tỉnh miền núi phía Bắc hay Tây Nguyên lại thấp hơn rất nhiều so với mức trung bình của cả nước (khoảng trên dưới 30%).

*Thứ ba*, việc giá đất tăng cao tại các địa bàn thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... gây ra rào cản khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc thuê mặt bằng để đầu tư kinh doanh. Giai đoạn từ 2020-2024, bảng giá các loại đất của Hà Nội tăng bình quân 15% so với giai đoạn 2014-2019, chỉ riêng mức giá đất nông nghiệp được giữ nguyên. Cụ thể, đối với đất ở tại các quận điều chỉnh tăng bình quân 16% đối với các tuyến đường trục chính 2 chiều; tăng bình quân 12% đối với các tuyến đường 1 chiều; các tuyến đường còn lại bình quân tăng 15%. Đất thương mại, dịch vụ tại các quận được điều chỉnh bằng 62 - 65% giá đất ở sau khi điều chỉnh. Trong đó, đối với 4 quận (Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng) điều chỉnh bằng 65%, các quận còn lại điều chỉnh bằng 62%. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ ở các quận cũng tăng bình quân 16% đối với các tuyến đường trục chính 2 chiều; tăng 12% đối với các tuyến đường 1 chiều; tăng 15% với các tuyến đường còn lại.<sup>23</sup>

*Thứ tư*, các chính sách về ưu đãi thuế còn nhiều hạn chế, chưa được phát huy, tận dụng một cách linh động để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. Việc triển khai của một số chính sách về ưu đãi thuế còn khá cứng nhắc, thiếu thống nhất ở một số địa phương, gây khó khăn cho các doanh nghiệp được hỗ trợ. Cùng với đó, danh mục ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn được hưởng ưu đãi thuế cũng khá rộng. Thực tiễn này vô hình trung đã làm

---

<sup>22</sup> Theo Báo cáo tình hình thành lập và phát triển KCN, KKT 9 tháng năm 2021 của bộ kế hoạch và đầu tư

<sup>23</sup> Theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND của UBND TP.Hà Nội công bố về bảng giá các loại đất trên địa bàn TP.Hà Nội giai đoạn 2020 – 2024.

giảm vai trò “định hướng” của chính sách ưu đãi thuế trong việc thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội. Ví dụ, hiện nay, tất cả các khu kinh tế đều áp dụng chung một cơ chế ưu đãi như nhau mà không gắn với đặc điểm và mức độ phát triển về điều kiện kinh tế - xã hội, hạ tầng trong từng khu kinh tế.

### *2.2.3. Nguyên nhân của các tồn tại hạn chế trong thực tiễn áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư.*

Có thể phân chia nguyên nhân của những hạn chế về các biện pháp khuyến khích thu hút đầu tư theo 2 nhóm sau: Nhóm liên quan đến quá trình ban hành chính sách và nhóm liên quan đến quá trình thực hiện, thực thi chính sách.

Các nguyên nhân đến từ quá trình ban hành chính sách

*Thứ nhất*, nhà nước vẫn chưa nhất quán giữa các mục tiêu của chính sách ưu đãi thu hút vốn đầu tư. Ví dụ như ban hành các chính sách về ưu đãi thu hút đầu tư vào địa bàn khó khăn hay vào khu công nghiệp, khu chế xuất, bên cạnh đó đồng thời, ưu đãi thu hút đầu tư vào các dự án công nghệ cao và các dự án sử dụng nhiều lao động thường có công nghệ không cao.

*Thứ hai*, nhà nước vẫn chưa nhất quán giữa mục tiêu và biện pháp thực hiện: Một trong những mục tiêu của chính sách ưu đãi thu hút đầu tư là thu hút các doanh nghiệp sử dụng máy móc, công nghệ cao, tuy nhiên, việc ưu đãi lại bằng thuế, tiền thuê mặt bằng, thuê đất hoặc dựa trên số lượng lao động... mà không dựa trên các tiêu chí về công nghệ được sử dụng.

*Thứ ba*, các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư được áp dụng chung cho toàn bộ các tỉnh thành trên cả nước, trong khi đó chưa tận dụng lợi thế cạnh tranh, đặc thù của mỗi địa phương, mỗi vùng miền. Thực tế trên đã dẫn tới tình trạng cạnh tranh về thu hút vốn đầu tư giữa các địa phương không đồng đều.



*Thứ tư*, các chính sách ưu đãi thu hút vốn đầu tư còn gây ra nhiều khó khăn, phức tạp, chồng chéo, nằm rải rác ở nhiều văn bản luật pháp khác nhau.

Các nguyên nhân đến từ quá trình thực hiện, thực thi chính sách

*Thứ nhất*, không theo dõi sát sao quá trình thực hiện chính sách: Các chính sách được đưa ra về ưu đãi thu hút đầu tư, tuy nhiên hiện vẫn chưa có một báo cáo chi tiết nào tổng kết đánh giá về kết quả quá trình thực thi, thực hiện các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư.

*Thứ hai*, chưa thực hiện đánh giá tác động đầy đủ của chính sách mà nhà nước đã ban hành và chi phí lợi ích mà chính sách đạt được. Bất kỳ một chính sách nào khi được đưa ra áp dụng, cũng cần phải được thực hiện đánh giá chi phí lợi ích của chính sách nhằm đảm bảo các chính sách ban hành có tác động tổng thể tích cực đến sự phát triển nền kinh tế - xã hội.

*Thứ ba*, các thủ tục để được nhận ưu đãi còn gây khó khăn cho các doanh nghiệp, chưa minh bạch, vẫn còn cơ chế xin cho, một số chính sách ưu đãi được ban hành nhưng không có quy định rõ ràng, nhất quán về điều kiện và thủ tục để được hưởng ưu đãi. Điều này dẫn đến tình trạng doanh nghiệp gặp khó khăn vướng mắc trong việc xin xác nhận các đối tượng được hưởng ưu đãi bởi cơ quan nhà nước.

## Tiểu kết chương 2

Tóm lại, nghiên cứu về các biện pháp khuyến khích đầu tư theo luật đầu tư tại Việt Nam có thể chia ra thành hai biện pháp đó chính là hỗ trợ đầu tư và ưu đãi đầu tư. Về cơ sở pháp lý, khung hành lang của các quy định pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư đang ngày được hoàn thiện phù hợp với pháp luật hiện hành và các hiệp định quốc tế mà Việt Nam tham gia để thúc đẩy thu hút đầu tư trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, với những thành tựu, kết quả mà Việt Nam đã và đang đạt được thì vẫn tồn tại một số hạn chế trong việc áp dụng các quy định pháp luật

về các biện pháp khuyến khích đầu tư trong thực tiễn. Có thể kể đến các hạn chế như: Nguồn thu hút vốn đầu tư FDI trong lĩnh vực nông nghiệp còn thấp trong khi Việt Nam là quốc gia luôn nằm trong top 5 các nước xuất khẩu nhiều nhất thế giới về gạo, cà phê, hạt tiêu, cao su, thủy sản...; Việc thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp đang dần chậm lại và ngày càng trở lên khó khăn; Việc giá đất tăng cao tại các địa bàn thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... gây ra rào cản khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc thuê mặt bằng để đầu tư kinh doanh; Hay các chính sách về ưu đãi thuế còn chưa được phát huy, tận dụng một cách linh động...

Mà nguyên nhân của các tồn tại hạn chế trên chính là do quá trình ban hành chính sách và quá trình thực thi chính sách về các biện pháp khuyến khích đầu tư vẫn còn nhiều bỏ ngỏ như tôi đã phân tích ở trên.

Việc phân tích thực trạng thực tiễn áp dụng pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư và đưa ra những nhận định đánh giá đã phần nào cho ta thấy cái nhìn bao quát thực trạng pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam hiện nay. Đồng thời là cơ sở để ta đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện về các biện pháp khuyến khích đầu tư và nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam.

### **CHƯƠNG 3**

## **MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ**

### **3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư**

Nhìn chung, thành công trong những năm qua của Việt Nam chủ yếu dựa vào sự gia tăng đầu tư vốn và lợi thế nhân công giá rẻ (CIEM và ACI, 2010), mà vốn đầu tư được coi là động lực phát triển của nền kinh tế. Nói cách khác, thời gian qua, Việt Nam đã áp dụng mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào đầu tư vốn, do vậy, hệ thống pháp luật đầu tư đã được xây dựng nhằm khuyến khích và thu hút vốn đầu tư, trong số đó có những quy định về khuyến khích đầu tư. Những quy định khuyến khích đầu tư lần đầu xuất hiện cùng với sự ra đời của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước năm 1994, từ đó nó đã trở thành một phần của chính sách thu hút vốn đầu tư.

Mô hình tăng trưởng dựa vào đầu tư vốn đã tạo ra tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng cho Việt Nam, trong suốt những năm 1990 đến năm 2007, tốc độ tăng trưởng được duy trì ở mức cao khoảng 7% - 8%, và giai đoạn từ năm 2008 đến nay tốc độ tăng trưởng được giữ ở mức 5%-6%. Riêng năm 2020, tăng trưởng kinh tế đạt 2,91%, tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2022 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới. Bình quân giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng GDP đạt 5,99%/năm, không đạt mục tiêu tăng trưởng theo kế hoạch đề ra (6,5-7%/năm) (số liệu của Tổng cục Thống kê). Nhưng về lâu dài mô hình này là không bền vững và thực tế là nó đang mất dần tính hiệu quả, thậm chí

là gây ra một số nguy cơ cho nền kinh tế Việt Nam. Có một số lý do giải thích cho vấn đề này như sau: Một là, do lợi thế so sánh về chi phí lao động sẽ dần mất đi bởi một số quốc gia khác cũng đã và đang tham gia cạnh tranh trên thị trường quốc tế bằng cách cung cấp nhân công giá rẻ, dẫn đến khả năng thu hút vốn giảm trong khi Việt Nam chưa xây dựng được lợi thế so sánh mới; Hai là, do tỷ lệ tiết kiệm nội địa thấp và có xu hướng giảm sẽ dẫn đến mức độ phụ thuộc vào dòng vốn FDI của Việt Nam ngày càng tăng; Ba là, các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam hiện nay chủ yếu sản xuất phục vụ chuỗi giá trị toàn cầu, không liên kết nhiều với nền kinh tế Việt Nam, doanh nghiệp trong nước lại yếu kém không đủ khả năng liên doanh với bên nước ngoài nên mục tiêu tiếp cận công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến sẽ không đạt được thông qua thu hút vốn FDI; Bốn là, cơ cấu đầu tư theo ngành ở Việt Nam hiện không cân đối, không chú trọng đầu tư các ngành tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, chủ yếu là mở rộng quy mô mà không đầu tư chuyên sâu để nâng cao năng suất nền kinh tế (CIEM và ACI, 2010). Tất cả những lý do đó cho thấy, việc tiếp tục duy trì mô hình tăng trưởng dựa vào đầu tư vốn, tức là lấy việc gia tăng vốn đầu tư là động lực cho sự phát triển trong thời gian tới là không hợp lý.

Trong khi đó, càng hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, Việt Nam càng phải đối mặt với cả những cơ hội và các thách thức mà quá trình hội nhập đưa đến. Theo tác giả Phạm Quốc Trụ (2011), hội nhập kinh tế quốc tế đem lại 10 lợi ích và 7 bất lợi cho Việt Nam và để hội nhập kinh tế quốc tế thành công thì Việt Nam phải tranh thủ các lợi ích, đồng thời loại bỏ những bất lợi này. Nhiều nghiên cứu chỉ ra để hội nhập kinh tế quốc tế thành công, Việt Nam phải có những chính sách nhằm xây dựng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước (hay doanh nghiệp nội địa), cụ thể là phải nâng cao năng suất lao động, trình độ quản trị sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ vào sản

xuất. Cải thiện năng lực của doanh nghiệp nội địa cũng là giải pháp để tăng khả năng hấp thụ vốn FDI và tận dụng lợi ích mà dòng vốn này mang lại (Trần Văn Thọ, 2016), đó là tiếp cận và tiếp nhận các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, trình độ quản lý kinh tế hiện đại, từ đó hạn chế nguy cơ Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa và ngày càng phụ thuộc vào các quốc gia khác. Nghĩa là để không bị tụt hậu trong quá trình hội nhập, Việt Nam phải tạo dựng được những động lực phát triển mới, một trong những động lực đó chính là năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nội địa, trong đó để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp cần phải nâng cao năng suất lao động, nâng cao trình độ quản lý kinh tế, đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận thị trường.

Pháp luật các biện pháp khuyến khích đầu tư đã được hình thành và phát triển như là một trong những chính sách để thu hút vốn đầu tư, tuy nhiên trong tình hình và điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc thu hút vốn đầu tư không thể tiếp tục được coi là trọng tâm trong chính sách phát triển, thay vào đó Việt Nam phải có những chính sách để nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nội địa.

Vì thế, để tạo động lực thu hút làn sóng đầu tư mới vào Việt Nam, cần nghiên cứu bổ sung các biện pháp khuyến khích sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ; sản xuất hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ tạo ra hoặc tham gia chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành. Đồng thời, áp dụng một số hình thức ưu đãi đầu tư mới cao hơn hiện hành, như: Khấu hao nhanh, tăng mức chiết trừ thu nhập chịu thuế đối với các khoản mục mua sắm máy móc thiết bị hiện đại, chi phí nghiên cứu, đào tạo nhân sự trình độ cao phục vụ các hoạt động đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi và các hình thức ưu đãi khác giúp giảm trừ nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh

nghiệp... Có ý kiến còn đề nghị bổ sung điều khoản về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư có tác động lớn đến kinh tế-xã hội mới được hưởng ưu đãi đặc biệt do Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật này và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

### 3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư

Với thực trạng cùng những hạn chế nêu trên về các biện pháp khuyến khích đầu tư. Vì vậy, để tạo động lực thu hút làn sóng đầu tư mới thì tôi xin đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư.

*Thứ nhất*, pháp luật cần quy định những nguyên tắc ràng buộc nhất định đối với các doanh nghiệp nhận hỗ trợ để các doanh nghiệp phải tích cực và nỗ lực sử dụng hiệu quả sự giúp đỡ, hỗ trợ của Nhà nước. Theo đó, đối với các doanh nghiệp đã được nhận hỗ trợ, cần đặt ra điều kiện kết quả kinh doanh khi cho doanh nghiệp tiếp tục được nhận các hình thức hỗ trợ khác hoặc hỗ trợ cao hơn.

*Thứ hai*, pháp luật đầu tư cần sớm có quy định, hướng dẫn cụ thể hơn về hình thức ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt để các quy định này phát huy được hiệu quả trên thực tế.

*Thứ ba*, pháp luật cần điều chỉnh theo hướng tăng tính minh bạch của việc quản lý nhà nước về đầu tư, cải cách mạnh mẽ pháp luật về việc ban hành thủ tục hành chính. Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả trong cải cách thủ tục hành chính, trong đó có thủ tục hành chính về đầu tư kinh doanh, góp phần cải thiện và tăng sức hút của môi trường đầu tư. Trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành

chính, tạo tính minh bạch, lành mạnh và công bằng; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư.

*Thứ tư*, cần sớm có các quy định, hướng dẫn cụ thể về cách xác định sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ để làm căn cứ xét hưởng ưu đãi.

*Thứ năm*, pháp luật cần bổ sung thêm quy định về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thu được lợi nhuận cao, tức là các chính sách ưu đãi và thu hút đầu tư dựa trên hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (chỉ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có lãi mới được nhận các ưu đãi). Ví dụ, doanh nghiệp càng đạt lợi nhuận cao thì càng được ưu đãi hơn về miễn giảm thuế.

### 3.3. Nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư tại Việt Nam. Chúng ta cần đưa ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp khuyến khích đầu tư. Để làm được điều này cần phải chú trọng, quan tâm các nội dung sau:

*Thứ nhất*, xác định các ngành, lĩnh vực ưu tiên, mục tiêu nhằm định hướng thu hút đầu tư một cách chủ động; đảm bảo sự nhất quán giữa mục tiêu thu hút đầu tư, ban hành chính sách và việc thực thi chính sách, tránh gây ra sự chồng chéo trong các quy định pháp luật. Xong cần vận dụng các chính sách ưu đãi, thu hút vốn đầu tư một cách linh động giữa các vùng miền, địa phương phù hợp với điều kiện tự nhiên.

*Thứ hai*, cần theo dõi, sát sao quá trình thực thi, thực hiện các chính sách và cần phải thực hiện các đánh giá tác động một cách đầy đủ của các chính sách được ban hành và áp dụng. Bên cạnh đó cũng cần đánh giá các chi phí, lợi ích mà chính sách đạt được vào báo cáo định kỳ hằng năm.

*Thứ ba*, giảm các chính sách ưu đãi dư thừa, giảm sự chông chéo giữa các văn bản pháp luật về ưu đãi và thu hút đầu tư. Bởi ưu đãi thuế và tài chính có tác dụng không rõ rệt lên thu hút đầu tư, bằng việc cải thiện môi trường kinh doanh và chất lượng cơ sở vật chất hạ tầng.

*Thứ tư*, cải cách hệ thống đào tạo nghề và hệ thống giáo dục đào tạo nói chung nhằm nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực cho toàn bộ nền kinh tế nói chung.

*Thứ năm*, tiếp tục cải thiện chất lượng môi trường đầu tư. Trong những năm qua, môi trường đầu tư của Việt Nam được đánh giá là đã có nhiều cải thiện theo hướng ngày một thông thoáng, cởi mở, thúc đẩy thu hút nguồn vốn FDI một cách mạnh mẽ. Tuy vậy, để đáp ứng yêu cầu thu hút vốn đầu tư, đặc biệt là vốn đầu tư nước ngoài, trong thời gian tới, Chính phủ cần tiếp tục chỉ đạo các bộ, các cấp, các ngành, các địa phương tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh một cách quyết liệt và đồng bộ hơn nữa.

*Thứ sáu*, cần phải chú trọng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư. Nhà nước cần tăng cường hơn nữa hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư theo hướng: Thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về khuyến khích đầu tư cho các địa phương, bộ ngành kết hợp nâng cao kỷ cương, tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát; nâng cao hiệu quả hợp tác, phối hợp giữa các cơ quan cùng cấp, cơ quan cấp trên và cấp dưới trên cơ sở phân định rõ chức năng, quyền hạn, cơ chế phối hợp.

*Thứ bảy*, tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính. Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả trong cải cách thủ tục hành chính, trong đó có thủ tục hành chính về đầu tư kinh doanh, góp phần cải thiện và tăng sức hút của môi trường đầu tư. Trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo tính minh bạch, lành



mạnh và công bằng; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư

### Tiểu kết chương 3

Để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư và hội nhập kinh tế thế giới thành công, đòi hỏi việc thực thi pháp luật về đầu tư phải hết sức có hiệu quả. Điều đó phụ thuộc cơ bản vào việc hoàn thiện pháp luật, xây dựng một cơ chế chính sách đồng bộ, phù hợp với yêu cầu của đất nước và các cam kết quốc tế. Việc hoàn thiện pháp luật đầu tư nói chung và pháp luật khuyến khích đầu tư nói riêng phải được thực hiện một cách đồng bộ trên cơ sở kế thừa, phát triển những quy định pháp luật trước đó, đồng thời loại bỏ những hạn chế, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. Thêm vào đó, cần tiếp thu, học hỏi có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, nghiên cứu áp dụng vào thực tế để thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Trong quá trình hoàn thiện pháp luật về khuyến khích đầu tư, bên cạnh việc tập trung vào hoàn thiện từng biện pháp khuyến khích đầu tư cụ thể, cần chú ý nghiên cứu những giải pháp chung về pháp luật đầu tư như cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư. Bên cạnh cơ hội tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, việc phải tuân thủ và thực hiện các cam kết trong các hiệp định thương mại như dỡ bỏ các biện pháp hạn chế đầu tư và dịch vụ bảo hộ đầu tư công bằng, không phân biệt đối xử, mở cửa thị trường mua sắm Chính phủ, dịch vụ tài chính sẽ khiến cho môi trường đầu tư của Việt Nam trở nên thông thoáng hơn, minh bạch hơn, thuận lợi hơn từ đó sẽ thu hút nhiều vốn đầu tư hơn nữa.

## KẾT LUẬN

Ở bất kỳ nơi đâu, bất kỳ quốc gia nào trên thế giới cũng cần phải nỗ lực trong việc tìm kiếm vốn đầu tư cho nền kinh tế của mình. Các chính sách về biện pháp ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư là một trong các biện pháp hữu hiệu nhất để gia tăng thêm hiệu quả thu hút vốn đầu tư trong nước cũng như nước ngoài.

Đối với các nhà đầu tư trong nước, Nhà nước luôn luôn giúp đỡ, khuyến khích họ bỏ vốn đầu tư và các địa bàn, lĩnh vực, ngành nghề trọng điểm, phù hợp với sự phát triển nền kinh tế của từng vùng miền. Các nhà đầu tư sẽ được hưởng những chính sách ưu đãi nhất định về tài chính, thuế, mặt bằng, đất đai... Nhờ có chính sách ưu đãi đầu tư này, mà người dân có thêm nguồn động lực để bỏ vốn đầu tư vào các ngành kinh tế thay vì tích trữ làm đóng băng, lạm phát nguồn vốn.

Bên cạnh đó, đối với nhà đầu tư nước ngoài, những chính sách ưu đãi đầu tư thể hiện sự chào đón của Nhà nước Việt Nam với các nhà đầu tư trên thế giới. Có thể nói, xét ở góc độ pháp lý, đây có thể được coi là biện pháp tạo nên tâm lý yên tâm cho các nhà đầu tư nước ngoài khi họ đặt chân đến một quốc gia xa lạ.

Có thể nói, các biện pháp khuyến khích đầu tư này là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên tổng thể môi trường đầu tư thông thoáng và hấp dẫn của Nhà nước Việt Nam. Đây cũng là mục tiêu cấp thiết và đặc biệt quan trọng của chính phủ Việt Nam hướng tới những nỗ lực nhằm cải thiện môi trường đầu tư, khuyến khích các nguồn lực trong và ngoài nước tập trung cho đầu tư, phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, để thu hút ngày càng lớn số lượng nhà đầu tư trong nước cũng như quốc tế điều đó phụ thuộc cơ bản về việc hoàn thiện pháp luật, xây dựng một cơ chế chính sách đồng bộ, phù hợp với yêu cầu của đất nước và các cam kết quốc tế. Việc hoàn thiện các quy định pháp luật đầu tư nói chung và pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư nói riêng cần phải được thực hiện một cách đồng bộ, rõ ràng, nhất quán trên cơ sở kế thừa phát triển những quy định pháp luật trước đó, đồng thời loại bỏ những hạn chế tiêu cực, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### A. Tài liệu tham khảo Tiếng Việt

1. TS. Bùi Ngọc Cường (2011), giáo trình Luật Đầu tư – Trường Đại học Hà Nội, Nhà xuất bản Công an nhân dân Hà Nội.
2. Nor Keo Kommadam (2008), *Pháp luật về bảo đảm đầu tư trực tiếp ở nước CHDCND Lào*, Luận văn thạc sĩ Luật học Trường Đại học Luật Hà Nội.
3. Souliya Pouangpadith (2007), *Các biện pháp khuyến khích và bảo hộ đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Luận văn thạc sĩ Luật học Trường Đại học Luật Hà Nội.
4. Theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND của UBND TP.Hà Nội công bố về bảng giá các loại đất trên địa bàn TP.Hà Nội giai đoạn 2020 – 2024.
5. Công văn 12166/BTC-TCHQ
6. Quyết định 29/2021/QĐ-TTg
7. Quyết định 5742/QĐ-UBND 2020 Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025
8. Quyết định 29/2021/QĐ-TTg quy định về mức, thời gian và điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư.
9. Viện ngôn ngữ học -Viện Khoa học xã hội và nhân văn (1996), Từ điển tiếng Việt, Nxb.Khoa học xã hội và Nhân văn.
10. Lê Thị Lệ Thu (2006), *Pháp luật về ưu đãi đầu tư ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
11. Nguyễn Khắc Định (2003), *Hoàn thiện pháp luật về đầu tư trực tiếp nước ngoài trong xu hướng nhất thể hóa pháp luật về đầu tư ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.

## **B. Các văn bản pháp luật**

12. Luật Đầu tư 2020
13. Luật Đầu tư 2014
14. Nghị định 31/2021/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
15. Nghị định 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.
16. Thông tư 29/2018/TT-BTC hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.
17. Nghị quyết số 50/NQ-TW ngày 20/8/2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.
18. Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019
19. Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016
20. Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội, hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2018

## **C. Danh mục các website tham khảo**

21. Theo <https://phaply.net.vn/chinh-sach-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-hieu-qua-cua-singapore-kinh-nghiem-va-giai-phap-tham-khao-cho-viet-nam-a252502.html>.
22. Theo <http://www.hanoimoi.com.vn/ban-in/Kinh-te/979658/thu-hut-von-dau-tu-nuoc-ngoai-tai-ha-noi-chon-loc-nang-chat-luong-hieu-qua>

- 23.Theo <https://www.vietnamplus.vn/tphcm-von-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-tang-gan-54-trong-nam-2021/765822.vnp>.
- 24.Theo <https://www.bienphong.com.vn/hut-fdi-vao-nong-nghiep-post435819.html>
- 25.\_Theo [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttpltc/pages\\_r/1/chi-tiet-tin-ttpltc?dDocName=MOFUCM180929](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttpltc/pages_r/1/chi-tiet-tin-ttpltc?dDocName=MOFUCM180929)
26. Theo <https://luatvietan.vn/danh-muc-nganh-nghe-uu-dai-dau-tu.html>